Số 12 NĂM CANH NGỌ 2e SEMAINE JUILLET 1930

誌雜南安

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 14/54

Deux exemplaires Revue d'Annam
Annam Tạp-Chí n° 12 édité
par Mr Nguyễn-Khắc-Hiếu
de 1er édition en 1930
Imprimé par l'Imprimerie Kim-Khuê
Sortie 2000 exemplaires de Dépôt légal
Hanoi le 17 Décembre 193

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BÁO-QUÁN
1, Boulevard Francis-Garnier, 1
HANOI

GIÁ BÁO
Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE KIM-KHUÊ — HANOI
1930

IMPRIMERIE KIM-KHUÊ HANOI TONKIN

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Số 12 NĂM CANH-NGỌ 2ème Semaine Juillet 1930

AN-NAM TẠP-CHÍ

Tinh-thần duy-tân của Nhật-Bản

Nhật-bản là một nước đồng văn đồng chủng với nước ta ở phương Đông-Á. Cách đây năm sáu mươi năm về trước, thì địa-vị quốc-gia cùng số thổ địa, nhân dân, cũng không hơn kém gì với nước ta ; cũng lễ văn chế-độ, học nho tin phật như ta. Thế mà ngày nay thành một nước mới, cũng văn-minh như một nước Âu Mỹ, nghiễm nhiên đứng vào hàng đệ-nhất đẳng cường quốc ở hội quốc-tế. Nói thế, ai không nghĩ ngay ra rằng bởi người Nhật bản sớm biết hóa theo Thái Tây, đổi hết lối cũ đi, nên mới gây nên được sự-nghiệp như thế. Tuy nhiên, ta phải biết rằng, lấy cái công phu duy-tân thấm thoắt có 30 năm, mà biến hóa một nước cố cựu hai ba ng in năm, đã mở mang ra một cái lịch sử mới, một cái vận-hội mới như thế, tất ở trong do người Nhật Lẫn tự có một cái nghị lực rất mạnh mẽ; một cái chủ kiến rất đích đáng ; một cái phương-pháp rất phương-tiện khôn ngoan, thì mới ngay đường bước thẳng không bị vấp-váp, sai lầm, kết quả không những không mang tiếng văn-minh bì tưởng, mà lại biệt thành ra một nhá riêng, không chịu nô-lệ cho sự học. Điều đó chúng ta không thể không nghiên cứu được. Mà nghiên cứu cho biết ra được, tất là một cái có hứng-vị cho sự học của ta ngày nay.

Tôi thường đọc bộ « *Nhật bản duy tân, tam thập niên sử.* » Bộ sách này soạn dũa năm Minh-trị thứ ba mươi là năm nước Nhật bản mở Hội đại Bác-lãm ở Đông-kinh, để khánh thành cuộc duy-tân. Trong sách chia ra từng loại, từng thuật hết lịch-sử cải cách các phương-diện như « *Tư tưởng, phong tục, giáo dục, tôn giáo, quân sự, tài chính, tư pháp, lập pháp, văn học, kỹ nghệ, vân vân.* » Nhân đó tôi xét ra cái công phu canh tân tiến-hóa của người Nhật-bản trong ba mươi năm ấy, có bá cái tinh-thần thay đổi liên tiếp nhau trong ba thời kỳ như sau này.

1 – Thời kỳ thứ nhất vào khoảng đầu đời Minh-trị, ngang với đời Tự-Đức nước ta, là cái tinh thần **hư tâm**. Trước đây người Nhật-bản đã tiếp súc cái văn-minh mới của Thái-Tây bởi sự truyền giáo và thông-thương đem lại, nhưng thấy là thời ngờ, cũng là thường tình của người đời. Nên họ cũng cấm đạo, cũng cấm thông-thương như ở Việt-Nam ta lúc ấy. Sau bị sứ-thần Mỹ đem tầu chiến đến ra oai và ép Nhật bản phải ký-ước cho nước ngoài vào buôn bán. Vì thế các bậc thượng lưu Nhật-bản dật mình tỉnh giấy, biết rằng không chịu theo phong hội mới, cứ khư-khư đóng chặt cửa quan và bo bo giữ chặt lấy lễ thời xưa, thời khó lòng bảo toàn được nước nhà ở cái thời buổi cạnh-tranh này. Nhân gặp vua Minh-trị thiên hoàng mới lên ngôi, vừa dẹp bình được các Phiên-tướng mà thống nhất quốc-quyền. Thiên-hoàng bèn tuyên thệ với dân 5 việc. Có một việc là trừ bỏ thói hủ từ xưa và rộng tìm lấy tri-thức của thế-giới. Từ đấy, trên dưới một lòng sùng chuộng tây-học, có ông Phúc-Trạch-Dụ cát là người có công to nhất về sự khai hóa cho quốc-dân ở đầu cuộc duy-tân. Ông mở trường Khánh ứng nghĩa-thục ở Đông-kinh và dịch những sách về thực-lợi để

giấy thiếu niên. Ông diễn thuyết cho thiếu niên có những câu như : « Con gái Nhật-bản học gẩy đàn tây rất hay và học dan ren cực khéo, mà thổi nồi cơm không chín thì khéo với hay thế có ích gì. Các cậu học sinh khoe đọc nhiều sách hóa-học, mà hỏi cách làm đậu-phụ thế nào không biết, thì hóa-học thế có làm gì. » Ông lại dám phạm đến phong-tục rằng : « Con gái Nhật-bản, ai góa trẻ chưa có con đều gọt đầu đi tu, làm sư-ni. Đời lấy thế làm trinh-tiết, nhưng đi tái-giá để sinh con, chẳng lại còn có ích cho nước hơn ru.» Đó đều là tư-tưởng thực-lợi cả.

Bấy giờ những sách về chủ-nghĩa công-lợi của nước Anh, chủ-nghĩa tự-do của nước Pháp, người ta thi nhau mà dịch thuật để in ra. In đến đâu thì tranh nhau mà đọc và muốn theo cho tới đạo của thầy đến đấy. Không những việc đạo-lý, việc trị quốc tế-gia, đến một cái khuôn mẫu nho nhỏ cũng mô-phỏng cho được như của Tây-phương.

Ngày trước sùng bái ông Khổng, ông Mạnh thế nào thì bấy giờ sùng bái các ông tây-nho như thế. Người ta nói rằng người Nhật-bản bây giờ giá mà cái da cái tóc có thể đổi ra như Âu-Châu được thời họ cũng đổi, cho nên gọi là « *túy Âu thời đại* ». Nghĩa là cái thời say mê lối Au-Châu. Nhưng ta phải biết, muốn bỏ cũ mà không chán cũ thì sao bỏ được, muốn theo mới mà không say mới thì sao theo nên.

2 — Thời kỳ thứ nhì vào khoảng Minh trị năm thứ mười hai trở ra, là cái tinh thần **dung-hóa**. Người Nhật-Bản biết rằng văn-minh Tây-phương là thứ văn-minh mới mẻ, linh-hoạt thì say mê mà theo học cho được, nhưng lúc đem ra dùng thì biết điều-hòa cho hợp với cái tinh-tinh phong-hóa người nước mình. Từ nhỏ đến nhớn, từ hình-thức đến tinh thần, cái gì đều châm-trước với đông tây kim cổ. Biết lựa trọn giữ lại cái hay, bỏ cái dở của mình, dùng chốn sở-trường, tránh chốn sở-đoản của người. Như trong các trường học, thì khoa Đông-dương triết-học, khoa Ấn-độ triết-học cùng với khoa Tây-dương triết-học đều cùng giảng tập. Thấy cái thuyết công lợi nước Anh chán vào thịnh quá, làm cho đạo-đức đến xuy đồi, thì cả xướng lên thuyết *Nho-học phục hưng* để cứu chữa lại. Nói tóm lại là, họ khéo biến-hóa của người để làm ra của mình, chứ không chịu như con vẹt học nói, con khỉ đội mũ vậy.

3 — Thời kỳ thứ ba vào khoảng năm Minh-trị thứ hai mươi chín, ba mươi là cái tinh thần **biệt-lập**. Bấy giờ người Nhật-bản thấy các phương-diện duy-tân đều đã thành hiệu cả. Cái gì mới thời đã lựa với quốc-tính mà tùy nghi thi hành, cái gì cũ thời đã lấy phép mới mà thực nghiệm, hoặc tổ-chức lại. Người Nhật-bản bèn nghĩ rằng nước mình đứng trong thế-giới, không những địa-vị độc-lập, mà học thuật tư tưởng cũng chẳng kém xút gì ai. Vậy nước Anh có khẩu-hiệu để tỏ ra cái đặc-tính của nước Anh mà gọi là Anh-cát-Lợi chủ nghĩa. Nước Đức có cái khẩu-hiệu để tỏ ra cái đặc-tính của nước Đức mà gọi là Đức-ý-Chí chủ-nghĩa. Nước Mỹ cũng thế. Thế thì nước Nhật há không nên xướng lên một cái khẩu-hiệu riêng để tỏ ra cái đặc tính của mình dư. Người Nhật bèn xướng lên gọi là Nhật-bản chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa này là bao hàm cả tư-tưởng Đông-dương, tư-tưởng Tây-dương và cái tính *hoạt-bát bát* và *quang-minh-sinh* của người Nhật-bản vậy.

Nay tóm xem lại ba cái tinh-thần trong ba thời-kỳ duy tân của người Nhật-bản trên ấy, chỉ trong ba mươi năm, mà trước thì *hư tâm*, kế đến *dung hóa*, sau thì *biệt lập*. Tuy không phải là người Nhật-bản có lập lấy chương-trình, định lấy thời-hạn trước như thế được. Thế mà xem công việc làm có tiết tấu, có thứ đệ, chơn chu ông-chuốt, không bị vấp váp sai lầm điều gì. Vậy người Nhật-bản tự hào là « *hoạt-bát-bát* », là «*quang-minh-sinh*»; chúng ta cũng phải phục là hoạt bát bát, quang minh sinh thật. Tôi mong rằng những người có chí Tây-học ta ngày nay nên lấy đấy làm gương.

Đỗ-nam-Tử

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Một bức thư của người có quen biết

Quảng-yên, le 22 Juin 1930

Tản Đà Huynh thai,

Được thơ anh nói đến cuối juin này, An-nam Tạp-chí lại tái bản, tôi lấy làm mừng cho anh mà lại lo cho anh, vì lẽ sau này :

Báo cũng là một nghệ buôn-bán, duy buôn bán không có hàng-hóa mà cũng phải có vốn to mới đủ sức mà soay sở, cho nên các nước Đông-Tây phàm đã gọi là Báo, hay Chí thời tất cả một đoàn-thể nào hay công-ty nào, phải xuất ra một món tiền to, sáng lập ra cốt để gây dựng thế-lực hay bênh vực quyền lợi của mình, tuy bỏ vốn ra mà lợi gián tiếp ở chỗ khác, chớ không cần lợi ngay vào cái vốn ấy, vì cái vốn ấy chỉ để chi phí về khí-dụng và nuôi các hạng rút ruột nhả tơ mà thôi ; ở Âu Mỹ cũng nhiều nhà Báo, tuy lúc đầu thời thế, nhưng sau nhờ được có nhiều người đọc, mỗi ngày xuất bản hàng mấy trăm vạn phần thời cũng được lợi to thật.

Làm Báo khó, không nói đâu xa, đan cử ngay ở Bắc-kỳ, Thực-Nghiệp thời có Tín ông Thu, Khai-Hóa trước thời có ông Bạch-Thái. Làm báo đã khó, mà Báo của ông Nguyễn-khắc Hiếu thời lại càng khó nữa, vì anh giầu thời chỉ giầu về văn, chớ không giầu về của.

Thế mà Annam Tạp-chí lúc mới lọt lòng tám mươi góp mặt với đời, chỉ có trong vòng 5 p.00, ai xem đến cũng phải tức cười, mà đều phải chịu cái gan ông Hiếu. Tôi tưởng cũng là cái dai-thoại trong Báo-giới và một cái vạn sự cho M. Tản-Đà.

Im hơi nín tiếng, vắng mặt khuất lời, ai cũng tưởng là vùi xâu chôn chặt, có ngờ đâu sống lại ra đời, thế mà nay lại tái-bản, thế cũng khen anh khéo tìm thầy kiếm thuốc, nên mới khỏi tử hồi xuân được. Tôi xét ra thời cũng nhờ công tâm của xã-hội, phần thời yêu cái văn-chương của anh, phần thời tin cái nhân-cách của anh, tuy mấy phen chìm nổi mà một dạ phân minh, không vì tình cảnh ba-đào, ngòi bút cứ thẳng băng, chớ không thiên về đảng phái nọ, chớ không nánh về cơ-quan kia. Tôi tin rằng anh chưa chán độc-giả thời độc-giả còn mến anh.

Annam Tạp chí mà tái bản thời chắc rằng nhiều người hoan nghênh, duy tôi lo về phần riêng anh phải chịu hoa hồng nhiều và công in đắt, kết cục chỉ thắng công làm thắng ngay ăn. Lại còn cái tính ngông cuồng của anh nữa (nhiều cả các nhà bỉnh bút báo giới), hễ mở mồm hạ bút là đem ngay tửu sắc mà làm câu đầu lưỡi để răn người, thật là trầm thống làm li, ai đọc cũng phải động tâm. Thế mà chính các ông văn sỹ ấy, những lúc đêm thanh người vắng, gió mát giăng trong, lại mượn ngay cái thú ấy để làm mồi câu văn chương, dử tư tưởng, cố bầy vẽ cho kín tờ báo hôm sau ; mà chính anh là một tay kiện tướng ở trong đội quần ấy. Xem như những lúc không có tiền thời chịu nằm co một só, mà hễ trong túi hơi có tiền thời ai dủ là đi ngay ; thông minh như anh còn dại gì mà tôi phải giậy khôn, nhưng có câu rằng : « *Đêm trông rõ mấy lông, ngày không trông thấy núi Thái* » Tình anh em thân nên có mấy lời trung cáo xin anh tự xét.

Anh với tôi tuy biết nhau kể từ khi hoa chào núi Thúy, giăng dọi sông Vân, « nào khi anh tịch cốc ở Sơntây tôi lên Khê-Thượng mà đón ; khi anh thi hỏng ở Nam-định, tôi đến làng Niềm mà tìm » đoạn này anh chưa biết mà bấy lâu tôi cũng chưa từng nói truyện với anh ;) rồi ra mây tan bèo nổi, yến bắc nhạn nam, khi bắt tay ở Hanoi lúc gặp mặt ở Haiphong ; nhưng cái cảm tình chan-chứa nhất là khi tôi ở Hàgiang mới về chập tối thời đến đêm vô tình anh gọi cửa vào thăm nhà tôi và các cháu, trong túi có đồng bạc, định cho các cháu 0p 50, còn

0p.50 để làm tiền lộ-phí về nhà, ấy cái tình mật-thiết giao-du của chúng mình là ở những lúc ấy, chớ không như những bạn kim-thời, hỏi hợt đầu lưỡi, hờ hững trong lòng. nào những lúc chén rượu cao lâu, roi chầu chiếu hát quân bài sòng bạc, điếu thuốc khay đèn, thời tình bè bạn đầm thắm chừng nào, chợp mắt cái, khói tan men hả, chiếu cuốn sòng tan, thời tình bè bạn đã theo tiếng « au revoir » là hết.

Anh có bảo tôi giúp An-nam Tạp-chí, một ít về văn-uyển và bài vở văn vần. Tôi là người kiến thức thiển-cận, văn-học thô sơ, mà anh ủy đến, tôi lấy làm vinh dự lắm, không những thế, cái tình giao-tế anh với tôi đã kể trên, dù anh không bảo thời tôi biết gì cũng phải giúp ngay, mà vẫn sẵn lòng cổ-động luôn luôn. Duy đến mục văn-uyển và bài vở thời xin thư-thả một chút, thế nào cũng có. Vả lại cái văn thơ của tôi nó có cạnh, chớ không tròn, nên không đủ cung cho Tạp-chí An-nam ngay được, xin anh lượng xét cho.

Hiện nay tôi hãy giúp về cổ-động và tin-tức, còn bài vở văn-thơ sau sẽ tiếp.

Kính chúc An-nam Tạp-chí trường thọ

Tản-đà huỳnh thái vạn phúc.

Nay kính thư

Bùi Nguyên Huân

QUẢNG-CÁO

Đại-lý việc bán Tạp-Chí ở Nam-kỳ-Bản quán đã truyên nhờ M. Trần-Quí (quản-lý Phụ-Nữ Tân-Văn), hiệu Thăng-Long. 20 Sabourain, Saigon.

Ngài nào ở trong Nam, muốn nhận bán giúp cho Bản-Chí, xin cứ hỏi tại đấy.

AN NAM TẠP-CHÍ

NÓNG NHẤT THẾ-GIỚI

Mùa hè nồng-nã. Hết thảy ai ai cũng kêu nóng-nực. Vậy tôi xin nói chuyện nóng nực nhất thế giới để đọc-giả nghe chơi, cũng là một cách tiêu nhiệt.

« Thân-báo » nói chuyện rằng : Đất Death Velley ở xứ California bên Mỹ là một nơi khô-ráo, một cái bình-nguyên lỏm thấp, bề ngang ước chừng 12 dặm Anh, bề giài 150 dặm Anh, nhiệt-độ ống Hàn-thử thường lên đến 160. Cứ đến mùa hè thời một hòn đá một thỏi sắt nóng đến ai mó tay vào là bỏng phồng da lên, như bị nướng vậy. Đất ấy thổ-sản « *bằng-sa* » đủ cung cho cả thế-giới dùng. Gần đây đã chế riêng ra một thứ xe ô-tô con để chở bằng-sa đến một cái ga cách độ 165 dặm Anh. Song các người cầm lái các xe ô tô ấy lấy việc làm là một việc quá ư cực-khổ, nhiều khi đi nửa đường nóng quá đến chết bỏ mạng. Chết mà tay còn cầm cái bình đựng nước uống. Vì cứ thói thường, nóng thời chỉ uống nước mát là khỏi chết, hễ nhỡ thiếu nước mát là chết tươi cho nên chết mà trong tay còn cầm bình nước là thế. Song tại những bình chứa nước mát đem đi chỉ vài giờ là sôi lên như đun mất rồi; lại thêm khó nỗi rồi nước ấy cứ thế mà cạn khô đi nữa. Sự nguy hiểm ấy, hiện nay đương tìm đường cứu chữa. Lại còn những cái nhà của các ông kỹ-sư đi họa-đồ hay đạc-đất dựng lên, bằng tre gỗ tạm đều bị mặt giời soi vào, vài ba ngày nóng quá, khô đi, rồi phát cháy. Bởi vậy nhà cửa phải xây bằng gạch đá mới có thể ở được. Vì sự lấy bằng-sa mà nay đã làm được một con đường sắt tiếp với con đường sắt gần miền ấy, để xe hỏa đem các đồ cần dùng vào mỏ cho tiện. Mỗi năm sản xuất ra được ba vạn tấn bằng-sa, thật là rất lợi.

Vậy mà nóng-nực khó kham. Song vì sinh-kế mà thợ mỏ, người làm ô tô xe hỏa, đều phải dấn mình ngày hai buổi chịu thiêu. Chẳng ví với ta ở xứ ôn đới này, hơi nóng một chút đã quạt máy, nước đá, ô-tô giong mát, vẫn có người trách đất oán giời.

Hiếu-bửu, **Trương-Trọng-Hồ**

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

TẤN TƯỞNG TẦU

Trên sân Khấu Trung-Hoa, từ khi nhà Mãn-Thanh đổ, đuôi sam các chú cắt đi, cờ con rồng đổi làm cờ năm sắc. Tưởng như con ma chuyên-chế trừ đi thời ông thần tự do đứng vững, bốn trăm triệu con em Hoàng-đế có thể vui-vầy trong cái chính thể cộng-hòa; từ đấy mà đi, con sư-tử ngủ vùng giậy được mà hùng thị với năm châu. Không ngờ đến ông Tôn-Trung-Sơn bốn mươi năm bôn tẩu hô-hào, nào diễn-thuyết, nào trước-thư, nào đánh đông dẹp bắc, nào vào tử ra sinh, mong đem cái chủ-nghĩa « tam dân » và cái hiến pháp « ngũ quyền » làm nên phương lược « kiến quốc », dựng ra nước Tầu mới trong cõi Á-Đông, lại hóa ra phá hoại chính-thể chuyên-chế, gây nên cái họa tương tàn. Từ năm Tân-hợi đến giờ, hết "Hồng-Hiến đế-chế" của Viên-Hạng-Thành, lại đến « Phục-bích vận-động » của Trương-Huân, đốc quân cát cứ xưng hùng, Nam Bắc phân tranh mãi mãi. Trải qua những bọn Đoàn-kỳ-Thụy, Lục vinh-Đình Long tế-Quang đến bọn Trương-tác-Lâm, Tôn-truyền Phương, Ngô-bội-Phu, Trần Quýnh-Minh hoạt động, kẻ này nhờ thế-lực Đế quốc này, người kia mượn danh-nghĩa xuất quân khác, chiếm cứ địa hạt, đánh thuế lấy tiền, coi dân là con bò vắt sữa, làm ồi-lỗi cho bọn liệt cường; vơ vét được đồng nào chỉ mua tầu bay, trái phá, làm giầu cho các nước, khoa học phát đạt, công thương tiến bộ, đưa hàng triệu người, họ gọi là đồng bào đồng chủng, ra mà đâm chém giết hại nhau. Cái vạ ấy gọi là vạ quân phiệt. Phản đối bọn quân phiệt thời là sư đệ ông Tôn Trung Sơn, lấy ba chữ « Quốc dân đảng » làm danh hiệu, lấy hai chữ « cách mệnh » làm chính nghĩa, cả tiếng tuyên truyền, vì dân mà phấn đấu, vì công lý, vì tự do mà khởi binh. Cái đất căn cứ của quốc dân đảng là Quảng Đông ở về phương Nam, cùng nhau thẳng chỉ lên cướp lấy chính quyền của Chính-phủ Bắc-kinh làm mục đích. Không ngờ, giữa đường cách mệnh, ông Tôn Trung-Sơn bắc phạt chưa hoàn toàn thành công thời từ trần, để lại một bọn đồng chí, nhờ người Mạc-tư-Khoa làm chỉ đạo. Đổi cờ năm sắc ra cờ « Bạch nhật thanh thiên mãn địa hồng. Bấy giờ thời Tưởng-Giới-Thạch, Uông-Tinh-Vệ, Trần-Hữu-Nhân, cả quốc-dân đảng, trong gồm cả tả là « cộng sản », hữu là « quốc-dân », đều làm việc ở dưới quyền Pháo-la-Đình, và đệ tam quốc tế. Tuy ngoài mặt là quốc-dân cách-mệnh nước Tầu đánh nhau với quân phiệt nước Tàu kỳ thực là chủ nghĩa « cộng-sản » đánh nhau với chủ-nghĩa " Đế-Quốc ". Nghĩa là nước Nga giúp Quốc-dân-Đảng, mà nước Anh nước Nhật giúp Tôn-Truyền-Phương, Ngô Bội Phu và Trương tác Lâm vậy. Không ngờ Quốc dân đảng Bắc phạt khi đã gần thành công, Ngô bội Phu thua, Tôn truyền Phương đổ, Phùng ngọc Tường ôm chân Nga mà giở về được Hà nam, Tuy viễn..., Diêm tích Sơn có ý ngả về phía Nam. Thời Tưởng giới Thạch quay quân về Vũ Hán đuổi Trần hữu Nhân, Uông tinh Vệ, kết tội dung cho cộng sản làm càn, giở mặt với Nga, cho khám các sứ quán, bắt người Nga bài trừ cộng sản; lấy cái lý rằng chủ nghĩa tam dân không phải là cộng sản, người Nga lợi dụng Tàu chứ không phải thành tâm giúp, cộng sản chỉ làm hại nước Tàu, không có lợi cho nước Tàu. Trừ xong cánh cộng sản rồi, thời Tưởng giới Thạch lại còn mặt sang Nhật Bản giả danh nhân thể đi cưới Tống mỹ Linh, làm vợ, mà không thiết gì công danh quyền vị, giao lại cho Lý tế Thâm, Trương phát Khuê, Bạch sùng Hy, Đường sinh Trí cầm quân. Khi song cái mặt ước với Nhật Bản rồi. Tưởng giới Thạch giở về, thừa thắng đánh vào Bắc kinh, hợp sức với Diêm-Phùng, làm cho Trương tác Lâm bỏ Bắc kinh chạy về Đông Tam Tỉnh, giữa đường bị thích khách Nhật Bản, dùng tạc đạn ám sát trên hỏa xa.

Bắc phạt thành công!

Từ đấy tưởng là êm truyện. Đã nghe thấy Vương-chính-Đình, ngoại giao bộ Tổng-trưởng cải ước với các nước ngoài, bãi quyền lãnh sự tài phán, thu hồi quan thuế tự chủ, bao nhiêu bất bình đẳng điều-ước sửa lại cho bình đẳng. Các việc cải-lương: cấm hút thuốc phiện, cấm nhà thổ, cấm đốt mã, cấm xem lịch, bãi quốc tế Khổng-phu-Tử, muốn bắt trước đúng như Âu-tây cả. Thế thời nước Tầu hẳn bình yên, hẳn phái người du học, mở mang việc học, chấn hưng thực nghiệp, khai hoang khẩn địa, mở mang các mỏ, còn lo gì mà cái nước "con giời" kia chẳng quả thực văn-minh tiến bộ.

Ngờ đâu!

Thật không ai ngờ đâu! Việc biên khiển xử-trí mãi không xong, trong kỳ "tam toàn hội nghị", Tưởng giới Thạch bị kết tội về mượn tiếng "thanh đảng" để tước tên các đảng-viên về tả-phái, đem vây cánh vào để khi bầu Tổng-Thống được hơn phiếu. Quả nhiên Tưởng giữ vững Tổng-Thống Trung Hoa quốc, kiêm Hải Lục không quân Tổng tư lệnh. Bắt Lý tế Thâm giam lại ở Thang Sơn, trích Bạch sùng Hy đi Tân Cương, Diêm, Phùng đương làm Tổng-trưởng ở Nam-kinh phải về Địa Hán. Uông Tinh Vệ, lúc bấy giờ tuy ở Paris, song Trần Công Bác cùng các đảng viên hết sức vận động "phản Tưởng nghinh Uông" Hoàng Thiệu Hùng, Bạch Sùng Hy, Lý Tôn Nhân mới lấy Quảng Tây, Hán khẩu mà phát nạn. Rồi đến Trương phát Khuê, là "Thiết Tướng" coi một đoàn thiết quân của Tưởng phản đối. Đường Sinh Trí, rầu lấy em cô Tống-Mỹ Linh là bà vợ ông Tưởng Giới Thạch cũng không vì tình riêng mà chẳng khởi binh đảo Tưởng; Diêm, Phùng sau một giạo trả hàng, trả phục đến một hồi cãi lý cãi tình, rồi cũng cuốn cả vào trong vòng tên đạn mà tuyên bố đánh Tưởng. Thế là từ đầu năm đến nay đã thành ra cái thế Tưởng Giới Thạch tuy cùng với mấy ông Tôn Khoa, Hồ hán Dàn, Vương chính Đình, Tống Tử Vân, là người trong hữu phái, ngồi trong một cái chính-phủ, chính thức ở Nam-kinh, đã được thế-giới công nhận, song kỳ thực bị ba bề bốn bên quay vào phản đối. Duy chỉ còn có Vân-Nam, Quảng Đông, Triết-Giang, Phúc-Kiến, Nam-kinh, Hán-khẩu là vào trong Địa-bàn mà thôi. Còn Quảng Tây nay là bọn Bạch, Trương, Hoàng, Lý; Sơn Tây là Diêm; Hà-nam, An-Huy, Tuy Viễn là Phùng, đương tiến quân ở Lũng Hải, Tế-Nam xông vào Nam-kinh, mong toàn thắng để lập lên Chính phủ mới, lấy Uông tinh-Vệ nay đã ở Pháp về dứng đầu, Trương-học-Lương ở Đông-tam-Tỉnh gần đây nghe tin cũng muốn phản Tưởng. Cái tân tuồng Tầu còn rối-rít, chưa biết ai phải mà ai trái, ai được với ai thua. Ta hãi ngồi xem họ diễn.

Thời-Nhân

HÀI-ĐÀM, HÀI-ĐÀM

1.— Trong Phụ nữ giới nước ta ngày nay, nhiều người yêu hai chữ « nữ quyền.» Trong nam giới cũng lại có nhiều người xướng kế.

Cứ ý tôi thời sự đó có lẽ bất tất vì chữ « quyền » còn bé, chữ « uy » mới lại to hơn, cho nên người ta thường nói chữ « uy » trên chữ « quyền », là « uy quyền. » Nay trong xã hội ta, cái uy của nữ giới đã to lắm; các bạn tu mi phần nhiều người cứ trông thấy đàn bà là sợ, vậy còn cần « quyền » nữa mà chi!

2.– Bài Hài đàm này nguyên định viết để gửi vào Phụ nữ tân văn, song vì An nam tạp chí cũng thiếu thốn về mục văn uyển; vả lại các văn về nữ giới cứ gửi vào Nam cả, sợ những ai ngoài Bắc có ghen chăng. Vậy có lời xin lỗi với Phụ Nữ tân van, hãy để bài này đàng An nam tạp chí ở Bắc.

TẢN ĐÀ

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

ĐỨC KHỔNG NGÀY XƯA
LÀ GNƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Đưc Khổng ngày xưa là một vị thánh-nhân ở Á châu, sinh ở Trung-quốc, như thế thời ai cũng đã biết. Còn như muốn biết rõ đức Khổng là người thế nào, sự đó rất không dễ. Bởi đó là một sự không dễ, cho nên càng muốn luận biện. mong cho được biết rõ Ngài khi xưa là người như thế nào.

. . .

Ở phương Á-đông ta, Trung-quốc là một nước to lớn và văn minh sớm hơn trước hết. Chánh-trị của Trung-quốc, từ xưa là chánh-trị quân-chủ có thiên tử, có chư-hầu. Thiên-tử là ông vua lớn, cao tột cùng, thống trị cả toàn nước, gọi là thiên-hạ. Chư hầu là các ông vua nhỏ bực dưới, phải theo mạnh lệnh của thiên-tử mà coi trị trong nước mình. Đương đời Đường Ngu, vua Nghiêu vua Thuấn, việc chính-trị rất hay. Người làm vua, phần sung sướng không hơn kẻ bình dân là mấy. Chỉ là đem cái thân lo sự trị an cho khắp thảy dân chúng, như một bà mẹ đối với các con mà thôi; cho nên gọi là «*cha mẹ dân*», thực rất là đúng nghĩa. Bởi vì thế cho nên vua Nghiêu đến lúc già, có con là Đan-Chu, không dám truyền ngôi cho, mà phải tìm một người khác là ông Thuấn; vua Thuấn đến lúc già, có con là Thương-quân, không dám truyền ngôi cho, mà phải tìm một người khác là ông Võ. Cho rằng cái sự làm vua là phải đem thân mà gánh vác chẳng là sung-sướng cái chi chí; nếu tài đức không đủ mà cho làm vua liều, thời cả người truyền kẻ nối đều là có tội lỗi với công-chúng. Từ nhà Hạ giở xuống, con nối cha, được ông vua hay thời nước cũng được nhờ, phải ông vua dở thời dân-chúng chịu vô cùng thảm hại. Bởi thế cho nên đến cuối đời nhà Hạ, vua Kiệt vì sự tàn bạo mà bị một ông vua chư-hầu là Thang nổi lên đánh. Cuối đời nhà Thương, vua Trụ cũng vì sự tàn bạo mà bị một ông vua chư-hầu là Phát nổi lên đánh. Vua Võ gọi là nhà Hạ vua Thang gọi là nhà Thương, vua Phát gọi là nhà Chu, ba nhà ấy chính-trị hay dở, khí vận thịnh suy đại-khái cũng như nhau, lúc thịnh thời hay, lúc suy thời dở vậy, Nhà Chu đến lúc suy, vua Cung-niết (U-vương) cũng lại vì vô đạo mà bị quân rợ Khuyển-nhung đánh giết chết ; người con nối là *Nghi Cữu* (Bình vương) bỏ kinh đô cũ ở phương Tây mà chạy sang phương Đông, từ đấy về sau thế lực của ông vua thiên-tử rất hèn, các chư-hầu không theo mệnh-lệnh, trong nước không còn có kỷ-cương, lần lún mãi đến đức Khổng sinh ra đời, chính là lúc nhà Chu suy loạn đã quá lắm. Khi đó các chư-hầu đánh cướp lẫn nhau, bầy tôi giết vua có, con giết bố có, bố lấy vợ con có, bầy tôi ngủ với mẹ vua cũng có ; luân thường đổ nát, phong-hóa suy đồi, sinh dân lầm than không thể nói cho xiết, ấy là thời thế đức Khổng vậy.

(Nước Tầu khi xưa không biết có thế-giới, hai chữ « thiên-hạ » tức là nói nước mình.

Hai đời Đường, Ngu, 2357-2255 trước kỷ-nguyên lịch tây.

Năm thứ nhất vua Bình-vương nhà Chu mới lên ngôi, 772 trước kỷ-nguyên lịch tây.

Trần - Hằng là quan đại-phu nước Tề, giết vua nước Tề tên là Nhâm (Giản-công).

—Con vua nước Sở là Thương-Thần, giết vua nước Sở là Quân (Thành-vương) — Vua nước Vệ là Tấn (Tuyên-công) lấy con gái nước Tề (con cho mình là Cập, nghe rằng đẹp, bèn tự lấy cho mình. — Công-tử nước Vệ tên là Ngoan thông dâm với mẹ vua nước Vệ (Tuyên-Thương). Đó đều là những sự thực sau đời vua Bình-vương nhà Chu cho đến đời đức Khổng.

Đức Khổng sinh vào năm thứ 21 vua Linh-vương nhà Chu, mất về năm thứ 41 vua Kính-vương, 551 479 trước kỷ-nguyên lịch Tây.)

Thời thế như thế, thời phàm người hữu tâm với thời-cục, tài sao cho khỏi lo. Phương chi các vị thánh-nhân, coi nhất thiết người đời đều ở cả trong cái trách-nhiệm của mình phải làm sao cho được yên vui tốt đẹp. Muốn như thế mà không sao được, chỉ nay đây mai đó, rồi ngày qua tháng chạy, thời càng trông thấy thời cục mà càng khởi cái mối khổ-tâm. Cái khổ-tâm của đức Khổng lo vì đời, xem ra thật ít có.

Nghĩ như lúc Ngài lên quyền tướng-chức nước Lỗ, trong bụng hẳn đã mừng rằng việc đời có chỗ bắt đầu. Không ngờ đâu lại xảy sinh ra có việc nữ nhạc, mà Ngài phải bỏ Lỗ mà đi. Khi Tề, Khi Vệ, khi Sở, khi Trần, mong sao lại được có dịp nào như ở Lỗ khi xưa, mà không thể sao có. Lại những kẻ chê bai, người chế bác, hoạn nạn khốn cùng. Dù cảnh-ngộ ở ngoài như thế nào mặc lòng. Ngài chỉ cứ ôn hòa khiêm nhẫn. Trong khi Ngài ở nước Vệ, đánh cái khánh (1), khách qua đường nghe tiếng khánh mà biết là hữu tâm. Vậy đủ thấy rằng Ngài không từng có lúc nào quên cái bụng lo đời vậy. Cái bụng lo lo quá, đến nỗi rằng: họ Công Sơn là một kẻ gia thần phản chủ, đưa tin gọi mà Ngài muốn đi; Bật-Mật là một kẻ gia-thần phản chủ đưa tin gọi mà Ngài muốn đi. Ấy là nóng ruột mà toan muốn làm liều; cái bụng lo đời thật khổ vậy! Đến như bỗng dưng mà có lúc muốn ngồi bè đi ra bể, có lúc muốn tìm ở trong những nơi mọi rợ, có lúc tự than rằng «lâu nay không mộng thấy ông Chu-công». Ấy là cái bụng lo không song, đã gần truyền ra chán, cũng chẳng qua là cái khổ tâm. Lại đến khi người nước Lỗ đi săn được con *lân*, mà Ngài khóc chảy nước mắt, ướt hết vạt áo bào, thời cái mối khổ tâm biến hẳn thương-tâm vậy. Thương tâm thay! người khổ tâm lo đời như đức thánh Khổng!

(Đức khổng bắt đầu ra làm quan, làm quan Tể ấp Trung-đô nước Lỗ (tức như một ông quan phủ huyện); rồi lên chức Tư-không, lên chức Đại Tư-khấu (hàng quan đại phu) Lại do chức Tư khấu lên quyền việc Tướng quốc nước Lỗ, chính giáo rất hay. Người nước Tề sợ rằng: Tề, Lỗ hai nước liền cõi nhau, nước Lỗ mà mạnh lên, thời tất có hại đến nước Tề. Vì thế, người Kế muốn âm phá cuộc chánh trị của nước Lỗ, bèn truyền lấy 80 người con gái đẹp, cho mặc đồ đẹp, dạy múa nhạc; thêm ba chục ngựa có chang sức, đem cho vua nước Lỗ. Kẻ quyền thần nước Lỗ là Quý tôn Tư khuyên vua Lỗ nhận lấy, rồi đánh một con đường riêng để vui chơi. Vua tôi mê chợi, không tưởng đến công việc quốc-gia nữa. Đức Khổng bất đắc dĩ phải bỏ Lỗ, đi sang Vệ. Ngài rong chơi các nước, các vua chư-hầu cũng có ông có ý muốn dùng Ngài, song bị các đại-thần ngăn trở, rút lại không có cuộc hành chính nào nữa.

Những người ngăn trở Ngài về cuộc hành-chính, như Yến Anh nước Tề. Tử Tây nước Sở là những người có qnyền lực ở trong các nước ấy khi bấy giờ, như thế đã riêng là một hạng người có can thiệp đến sự thực. Lại còn hạng người ẩn-dật, như Tiếp-Dư, như Trường Thư, Kiệt-Nịch, những người ấy thấy Ngài cứ nay nước này mai nước khác, nhiệt tâm về sự ra tùng chính, thời chê là không biết cuộc đời đã như thế, còn mong sao được mà nhọc lòng làm chi. Lại như khi Ngài ở nước Trần thời bảy ngày không có lương ăn, những đệ tử theo hầu đều bị đói. Khi qua đất Khuông thời người Khuông ngờ Ngài là Dương-Hóa mà đem quân đến vây (người Dương-Hóa từng có sự bạo ngược ở Khuông, đức Khổng ráng mặt giống Dương-Hóa). Khi Ngài ở nước Tống, cùng các đệ-tử tập lễ ở dưới gốc một cây to, quan đại-phu Tống là

(1) Khánh là một cái thứ đồ nhạc, bằng đá.

Hoàn-Bồi sai người ra chặt bỏ cái cây, hình hiện ý ác-cảm. Đó đều là những cơn hoạn-nạn khốn-cùng vậy.

Công Sơn-Phất-Nhiễu là quan tể ấp Phí ở nước Lỗ, tức là kẻ bề tôi riêng của nhà họ Quí, bắt Quí Hoàn-tử giam lại mà giữ ấp để làm phản, sai người đến mời đức Khổng cùng giúp việc. Ngài muốn đi. — Bật-Mật là quan tể ấp Trung-Mâu nước Tấn, là kẻ bề tôi riêng của nhà họ Triệu, giữ ấp Trung-Mâu để làm phản, cũng sai người mời đức Khổng cùng giúp việc. Ngài muốn đi. Hai việc này rồi sau Ngài cùng thôi không đi cả, chẳng qua là do cái lòng hành đạo của Ngài quá nhiệt mà khi ấy nghĩ như thế đó thôi.

Năm thứ 14 Vua Ai-công nước Lỗ, tức là năm 39 vua Kính vương nhà Chu (481 trước kỷ-nguyên lịch tây). Người nước Lỗ đi săn, bắt được con lân (tức là con kỳ-lân), quẹ một cẳng. Chúng không biết là vật gì, đem vất bỏ ở ruộng. Đức Khổng ra xem nói rằng : « Đó là con lân ! » Rồi Ngài lật tay áo lau mặt, nước mắt nước mũi ướt cả vạt áo. Than rằng : « Đạo của ta đến cùng vậy ! » Học-trò Ngài là Đoan-mộc-Tứ hỏi rằng : « Thầy vì sao mà khóc ? » Đức Khổng nói : « Muông lân, đời có vua hiền minh mới đến. Nay ra không phải thời mà bị hại, cho nên ta lấy làm thương. »

Xem như đức Khổng Ngài khổ tâm lo đời như thế, thời biết Ngài là một người rất có nhiệt tâm về sự chánh-trị. Bởi vì cuộc chánh-trị, Ngài không được như ý để thực hành, cho nên rút lại chỉ là có tư-tưởng. Cái tư-tưởng chánh-trị của đức Khổng, chỉ là muốn đem đạo-học mà thi thố kinh luân. Nguyên cái đạo của đức Khổng, cũng không phải là tự Ngài có lập ra, chỉ là tổ thuật ở các thánh-đế minh-vương đời xưa, như các vua Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ. Cho nên cái tư-tưởng chánh-trị của đức Khổng, cũng chỉ là theo chánh-thể quân-chủ mà thi hành bằng tính-chất đạo-đức, mong khiến cho thiên-hạ đương đời ấy lại được thái bình thịnh-trị như các đời thánh-đế minh vương khi xưa. Xem như Ngài đáp truyện với học-trò là Tử-Lộ mà có câu nói rằng : « Nếu có kẻ dùng ta chăng, ta có khi làm nên nhà Chu ở phương đông. » Lại như câu tự thán rằng : « Ta xuy quá lắm vậy ! Lâu nay ta không lại nằm mơ ngủ thấy ông Chu-công ». Vậy thời trong chí nghĩ của Ngài, lúc nào như cũng có một cái cảnh-tượng đời thịnh-trị nhà Chu, mà tự xử cái địa-vị của mình thời mong tưởng được như ông Chu-công vậy.

Tuy vậy, cái tư tưởng về chánh-trị như thế, chẳng qua do tấm lòng đối với thời-cục, kíp muốn cứu thời đó mà thôi. Ta lại xem như ở kinh Lễ có chép lời nói của đức Khổng rằng : « Cái đạo-lý nhớn mà thì hành ra ở đời thời thiên-hạ là chung : Kén người hiền, giao việc cho kẻ có tài ; giảng điều tín, xửa tình hòa mục. Cho nên người ta, không cứ kẻ thân của mình mới là thân, không cứ con mình mới là con, Chỉ sao cho : Người già có chỗ chết yếu, kẻ tuổi mạnh có việc làm, đứa bé nhỏ được khôn nhớn ; giai hóa vợ, gái hóa chồng, đứa bé bồ côi, kẻ già một mình, cùng những người tàng-tật không làm gì được, đều có chỗ nuôi ăn. Con giai có chức phận, con gái có nhà chồng. Của cải, không cứ rằng cất để ở mình, chỉ là không thích rằng bỏ hoài ở dưới đất. Sức làm việc, không cứ rằng làm để cho mình, chỉ là không thích rằng tự mình không hết sức. Thế cho nên những cái mưu gian tự bịt đi mà không thấy thò ra, những sự trộm cướp không có. Cho nên nhà nào nhà ấy, đêm không cần đóng cổng ngõ. Thế gọi là *đại-đồng* ».

Cứ như lời nói của đức Khổng đó, ngẫm ra, tức là cái thái độ đời Đương Ngu. Vậy thời biết trong bụng thánh-nhân tự có riêng hoài-bão xâu sa vậy. Cái hoài bão sâu xa của Ngài nghĩ về sự chính-trị, đã chỉ như non mây chợ bể, có cũng bằng không ; cái tư-tưởng thành nhiệt của Ngài đối với cuộc chính-trị, lại không được thi-thố kinh luân, chỉ là có ở trong hoài-bão. Cho nên

MỪNG AN-NAM TẠP-CHÍ LẠI RA SỐ 11

Họa bài «*Sông cái chiếc thuyền nan* » (đăng ở Tạp-chí số 1.)

Nước rộng giời cao buổi vắng teo,
Con thuyền năm cũ, lại dương lèo.
Kéo buồm thả lái, quay quay mũi ;
Xửa cọc, dăng quai vẫy vẫy chèo.
Bể hẹn non thề nghe đã mấy,
Sông chờ bến đợi biết bao nhiêu.
Phen này vượt sóng qua khơi hẳn,
Nước cũng vui mà nổi tiếng reo.

DƯƠNG-TỰ-HƯỚNG

---

kết-cục của đức Khổng thành ra một người bất-đắc-chí về chính trị, mà chỉ là một nhà giáo-dục thôi vậy.

(Chu-công, em vua Võ-vương nhà Chu, tên là Đán, có tài chính-trị. Sau khi Võ-vương mất, con là Tụng (Thành-vương) lên nối ngôi làm vua, mới có sáu tuổi. Ông Chu-công lấy địa-vị là chú vua, làm tướng, thi hành các sự chính-trị, làm đến thái-bình, mà lễ nhạc văn-vật xem với những đời trước đều có hơn. Cho nên đức Khổng thường nằm mộng thấy ông Chu-công là tư-tưởng của Ngài thường mong có một cái quang-cảnh như trong đời thịnh trị nhà Chu vậy.

Trên mặt bể, về khoảng mùa xuân mùa hạ, thường thấy, những lúc sóng lặng, có những hình thành quách lâu đài, hoặc thuyền bè cây cối, ảnh lội ở trên không, gọi là « *chợ bể* ». Nguyên nghĩa cũ cho là: đó là những loài trai hến dưới bể thở khí ra, mà kết hình lên trên không như vậy, song mà là nhầm. Cứ chính nghĩa mới xét ra, thời nguyên vì khoảng mùa hạ, ôn-độ của nước bể kém hơn trên không-khí. Cho nên không-khí ở mặt bể bị chặt hơn, mà không-khí ở trên cao thưa rỗng. Bởi vậy, những thành quách lâu đài, thuyền bè cây cối ở phía xa trước mặt, ảnh thẳng vào mắt người trông thấy, ngoài ra còn lại chiếu xiên lên vào những chỗ khe rỗng trong không-khí, trải bao khúc khắc, lại ảnh vào mắt người, thành ra thấy có những hình tượng như thế.)

còn nữa

Nguyễn-khắc-Hiếu.

Quảng-Cáo

Đối với các bạn mua năm An-nam Tạp-Chí hồi trước, tôi đã có đăng « *lời trần-bạch ở Đông-Pháp-Thời-Báo khi xưa* » vào An-nam-Tạp Chí số 11, để Chư-tôn biết qua.

Trong khi Tạp-Chí mới lại xuất bản đây, tôi có tiếp một người đến báo-quan, cầm giấy biên-lai tiền mua nửa năm, nói là mới nhận Tạp-Chí từ số 1 đến số 10. Giấy biên lai ấy tên của Mr. *Đào-Huân*, N° 4bis, *Phố hàng Rươi* (*Rue des vers blancs*) *Hanoi*. Tôi đã ủy ban Trị-sự tính số tiền còn lại và gửi giả Tạp-Chí cho được chu-tất.

Mới lại có tiếp được hai bức thư:

1° — Của Mr. *Đỗ-long-Giang*, có hiệu buôn bán ở *Hòa Bình*.

2° — Của Mr. *Nguyễn-thế-Lộc*, thừa-phái huyện Chí-Linh Hải-Dương.

Cùng là bạn độc-giả cũ của An-nam-Tạp-Chí. Trong thư ông Nguyễn-thế-Lộc, có đính theo số 0.20 bằng tem thư để thêm cho Báo-quán về sự đổi chỗ ở. Còn như sự giả tiền Tạp chí khi trước, thời chắc là các Ngài đã có giả, mà trong thư không nói đến, thời tôi không được biết rõ là như sao. Vậy nay xin quảng-cáo để chư-tôn biết rằng :

1— Những Ngài nào trước có mua năm hoặc nửa năm Tạp-Chí, mà chưa có giả tiền, thời nay các Ngài có mua, xin cứ gửi thư như một bạn độc-giả mới của Tạp-Chí.

2— Những Ngài nào trước có mua năm hoặc nửa năm Tạp-Chí, mà đã có giả tiền, thời nay các Ngài viết thư về, xin cho trong báo-quán biết qua cái giấy biên-lai tiền khi trước, hoặc là cái cuống mandat, cho được tiện sự làm việc hơn.

Nay kính cáo

Nguyễn-khắc-Hiếu

VU'Ò'N CAM

«Lần đi, lần một bạc đầu,
«Ai ơi tham ấn phong hầu làm chi!
«Vườn Cam biết có duyên gì ?
«Mần giăng thời cũng mần ri với tình

Đó là câu trong bài hát mường của cổ-nhân làm ra, mà ngày nay ta thường nghe thấy trong xóm bình-khang hát. Người hát và những người nghe hát, không chắc biết *vườn cam* ở đâu, *vườn cam* thế nào, sự-tích vườn cam ra làm sao.

Ký-giả vừa rồi nhân đổi lên tòng-sự ở Quảng-uyên, đi qua Cao-bằng, có ở lại độ một hôm sực nhớ đến câu hát đó, nên có tìm đến xem chỗ vườn Cam. Sở dĩ biết mà tìm đến là nhờ được khi trước bề trên đã có giảng cho biết nghĩa mấy câu hát ấy. Nhân hôm ở *Cao-bằng* lại được tiếp một ông cụ, người vùng xuôi, lên làm việc đã lâu năm, nay có nhà cửa ở trên này mà không mấy khi về nữa, đem hai câu ấy ra hỏi lại ông cụ và xin ông cụ đưa cho đi xem chỗ vườn Cam.

Chỗ vườn Cam này là một phố ở *Cao-bằng*, gọi là phố vườn Cam. không có gì là di-tích vườn Cam cả, có chăng chỉ còn hai chữ tên đó mà thôi. Hỏi ra nguyên trước lúc nhà Mạc thất thế chạy lên *Cao-bằng*, có mấy ông quan, người dưới ta, trung thành với nhà *Mạc*, theo lên đến chỗ đó ở, nhân ăn những Cam tiến vứt hột ra, mà về sau chỗ đó thành ra một cái rừng cam, bởi thế mới có cái tên làng « Vườn Cam » vậy. Mấy ông quan đó thề rằng không bao giờ lại về vùng xuôi nữa, và giặn lại các con cháu ngày sau phải ghi nhớ nhời thề ấy; kẻ nào có quên mà về, đi đến cuối làng, trông thấy cái cây đa to thì phải nhớ ra mà quay giở lại. Con gái làng vườn Cam này lắm người sinh và khoán mỗi năm đến ngày dằm tháng tám, họ lấy bí-đao đu-đủ, cắt gọt thành các thứ hoa để bầy cỗ, trông rất đẹp. Về sau này các quan ta lên, đến tết Trung-thu ra chỗ đó xem, lấy làm ưa, nhưng hỏi lấy, họ không chịu lấy, sợ lại phải theo về dưới xuôi, thì trái cái lời thề xưa của ông cha, nên ở chỗ đó có câu ca rằng:

Con gái vườn Cam, con gái chẳng vừa
Bí đao, đu-đủ, đánh lừa quan kẻo (kinh)

Hoặc họ có bằng lòng lấy, thời khi theo, về, đi về đến gốc cây đa ở cuối làng, là khóc, nước mắt nước mũi ràn rụa, mà quay giở lại, mà không đi nữa. Nên ở chỗ đó còn có câu rằng:

Chàng về thời về, tôi không theo,
Gốc đa hỉ mũi, nhớ điều thề xưa.

Lại có câu:

Ăn cam ngồi gốc cây cam,
Lấy anh thời lấy, về Nam em chẳng về.

Ấy vì thế mà mới có hai câu:

Vườn cam biết có duyên gì,
Mần giăng thời cũng mần ri với tình.

Từ ngày nhà nước lên lấy *Cao-bằng*, lập ra tỉnh, phá cái chỗ rừng cam ấy đi, làm thành ra phố; đến nay những người ở phố vườn Cam cũng không còn ai là chính người làng vườn Cam ngày trước nữa.

Ông cụ đưa ký giả đi xem, nói xong câu truyện vườn Cam, tủm-tỉm cười mà rằng: Những câu ca câu hát đó chỉ dùng với sự trong một thời-kỳ ngắn ngủi về đời xưa mà thôi, về sau này con gái vườn Cam cũng nhiều người lấy Tây nữa.

Câu truyện đến đấy, rồi thủng-thỉnh đi về. Nhân tìm đến chỗ vườn Cam mà được biết sự-tích vườn Cam là thế, chép lại một thiên để hiến chư độc-giả nhàn lãm, gọi là một cái quà mạn ngược biếu các bạn vùng xuôi.

NHỮ-TIẾN

Dương-Tự-Hướng

HÁN VĂN DIỄN GIẢNG
講演文漢

子	*Tử*	Thầy, Đức Khổng
曰	*Viết*	Nói rằng :
志	*Chí*	Chí
士	*Sĩ*	Kẻ sĩ
仁	*Nhân*	Nhân
人	*Nhân*	Người
無	*Vô*	Không
求	*Cầu*	Cầu
生	*Sinh*	Sống
以	*Dĩ*	Lấy
害	*Hại*	Hại
仁	*Nhân*	Nhân
有	*Hữu*	Có
殺	*Sát*	Giết
身	*Thân*	Mình
以	*Dĩ*	Lấy, để mà.
成	*Thành*	Nên.
仁	*Nhân*	Điều nhân.

Âm.— *Tử viết: « chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân.*

Nghĩa.— Đức Khổng giạy rằng: « Kẻ sĩ có chí, con người có nhân, không có cầu lấy sống mà để làm hại đến điều nhân; chỉ có giết bỏ mình để làm nên điều nhân. »

Đây là một chương trong thiên Vệ-linh-công ở trong sách Luận-ngữ.

Phụ giảng.— Nghĩa nên phải chết mà cầu lấy sống, thế là tham sự sống mà làm hại cho điều nhân. Kẻ sĩ có chí, con người có nhân thời không bao giờ có như thế ; chỉ có giết cái mình mình đi cho trọn lấy đạo *nhân* mà thôi. Nay dẫn mấy câu truyện ở sử tầu, để trứng minh cái nghĩa:

Đời vua Minh-hoàng nhà Đường, phiên-tướng là An-lộc-Sơn làm phản, thủ-tướng ở Đồng-quan là Kha-thư-Hàn, trong tay hơn hai mươi vạn quân, cùng đánh nhau với giặc, thua, bị quân giặc bắt được, đưa giải về chỗ. An-lộc-Sơn. Lộc-Sơn bảo Hàn rằng : « Mày thường khinh ta, bây giờ định thế nào ? » Hàn xụp xuống đất, thưa rằng: « Tôi mắt thịt, không biết được thánh-nhân. » Lộc-Sơn cho Hàn làm quan Tư-không. — Cùng thời ấy, quan thái thú Thường-sơn là Nhan-kiểu Khanh nổi quân chống nhau với giặc, thành bị phá, Kiểu-Khanh bị bắt, cũng bị giải đến An-lộc-Sơn ở Lạc-dương. Lộc-Sơn trách tội Kiểu-Khanh rằng: « Chính ta tâu cho mày được làm chức Phán-quan, không mấy năm, làm lên đến Thái-thú! Có phụ gì mày ? Mà phản ! » Kiểu-Khanh mắng lại rằng : « Mày vốn là thằng chăn dê ở Doanh-châu, nhà vua cho mày làm quan đến Tiết-độ sứ cả ba đạo, sung xướng không ai bằng. có phụ gì mày ? mà phản ! Ta đây vì nước đánh giặc, giận không chém được mày, sao gọi là *phản* được ! Giống chó tanh hôi kia, sao không giết chết ta ngay đi ! » Nói rồi, bị giặc giết chết.

Cầu lấy sống mà làm hại điều nhân, thời như Kha-thư-Hàn ; như Nhan-Kiểu-Khanh đó là hạng người chí-sĩ nhân-nhân vậy.

Nguyễn khắc Hiếu.

NHÀN-TƯỞNG

Đời không loạn ; võ không dỏi, văn không hay.

TẢN-ĐÀ

THI DÀN GIẢNG TẬP
習講壇詩

Trong khi tôi làm việc *Quốc-văn hàm-thụ*, mỗi kỳ có ra đầu bài gửi đi cho các bạn ; các văn tập gửi về, đều có xửa chữa và luận giảng minh bạch, hoặc lại có lựa trọn thành bài rồi gửi đi. Nhớ có một bài mà bài này đã đăng ở An-nam tạp-chí hồi xưa, duy khi ấy chỉ là đăng lên mục văn-uyển, mà chưa có nói đến sự giảng tập. Nay lại đăng tái, để mượn làm công-việc trong thi-đàn.

Vịnh cái cây ở bên đường phố Hanoi

Đội giời đạp đất đất Thăng-long,
Đứng dữa trần-ai đã mấy đông.
Cội Lạc cành Hồng tươi-tỉnh mới,
Mưa Âu gió Á rập-rìu chung.
Khắt-khe nắng hạ xòe xòe rợp,
Vồn-vã đêm thu lắc cắc rung.
Danh lợi bên đường ai mặc kẻ,
Tấm lòng tươi héo với non sông.

Bài này, một câu đầu, bầy chữ: *« Đội giời đạp đất đất Thăng long. »* nguyên của một tác-giả đặt vào câu thứ tư, mà đối không cân-trỉnh. Tôi nghĩ như một câu đó, chiếu với đầu bài thật hay, nhời thơ thật là hùng hồn; duy đặt vào địa-vị câu thứ tư, thời không thể nào đối được, mà bốn chữ *« Đội giời đạp đất »* cũng không đủ thích thực cho cái cây.

Vậy nên đem câu ấy lên đầu thời chốn được sự phải đối, mà đứng vào địa-vị câu thứ nhất, thời không cần có cái tính-chất tả thực, mà hùng-hồn càng hùng-hồn! Như thế có lẽ là phải hơn.— Câu thứ sáu, nguyên-văn của một tác-giả rằng: *« Nhàn tĩnh đêm thu, lác-đác rung. »* Mới đọc tới thời nghe như hay, song ngẫm ra thời chỉ là mới có nhời thơ mà nghĩa thực kém. Xét như ý đầu bài, *vịnh cái cây ở bên đường phố Hanoi*, thời tất là có khác với những cái cây ở các nơi thôn dã sơn lâm. Vậy thời hai chữ *« nhàn tĩnh »* ngẫm ra đã thấy không sành. Lại như *« nhàn tĩnh »* mà buông nghĩa xuống với chữ *« rung »* thời sao cho thành nghĩa trong một câu thơ được! Lại hai chữ *« lác-đác »* đặt với chữ *« rung »* cũng không hợp. *« Lác đác »* là cái tiếng lá rụng, không phải là tiếng cây rung. Tóm lại trong một câu thơ nguyên-tác đó, nhời thơ như hay mà nghĩa thực kém vậy. Cho nên khi ấy, hai chữ *« nhàn tĩnh »* tôi đổi làm *« vồn-vã »*, để trông xuống chữ *« rung »* cho nổi nghĩa, mà tỏ ý rất là không nhàn tĩnh, thời mới là tinh-thần của cái cây ở bên đường phố Hà-nội vậy. Hai chữ *« lác-đác »* đổi làm *« lắc cắc »* thời mới là tiếng cây rung động mà cành nọ với cành kia đập nhau. Như thế, chữ dùng khác đi, mà kể cả toàn câu thời vẫn là nguyên-ý của tác-giả. Câu thơ này, đem hợp xem với câu thơ của người xưa:

« Gió đập cành cây rung lắc-cắc » thời ý chính như nhau ; câu kia có chữ *« gió »* mà câu này thời khác vì không có chữ *« gió »* vậy.—Câu thứ năm ở trên, tôi cũng có xửa đổi, mà đến nay không nhớ rõ nguyên-văn như thế nào, chỉ nhớ rằng sau khi xửa đổi thì câu ấy như thế.—Còn như các câu thứ hai, thứ ba, thứ bốn tuy không lấy gì làm hay, song chiếu với đầu bài cũng hợp nghĩa. Hai câu thứ bầy, thứ tám, kết như thế thật hay!

Nguyễn khắc Hiếu

Tết Tây

Chán tết ta rồi, lại tết tây,
Khen ai khéo vẽ lắm trò hay!
Pháo xì ngũ-sắc tung giời bắn,
Nêu phất tam-tài rợp đất bay.
Bôi mặt nát nhau phường hát bội,
Chen vai lĩnh trẩn lũ ăn mày.
Hỏi ai ai có vui chăng tá?
Vui nhất là ai tỉnh lại say.

T. H. (Quảng-yên)

VIỆT NAM NHỊ THẬP THẾ KỶ

XÃ-HỘI THIỀN ĐÀM

« Cá mắm hôm nay đã chán rồi!
« Lợn sề lại tiếp thịt ngày mai.
« Ai về nhắn bảo làng công nợ,
« Cái thú « Hồng-lô » nếm kẻo hoài.

Bốn câu thơ này là của một người ngồi tù nợ làm ra, tôi nghe thấy đã lâu. Nghĩ như một sự "tù nợ" ở trong xã-hội ta hồi trước, rất là không từ ai, không cứ đàn ông, đàn bà, càng những người danh-diện, phẩm-tước, đài-các phong-lưu mà cái thú như trong lời của ai ở trên đây, lại càng có nhiều phen trải nếm.

« Giời làm một trận lăng-nhăng,
« Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông.»

Câu ca-dao đó tự bao giờ, cũng đáng vịnh để vì ai cảm khái. Thôi những cái câu truyện ấy đã là thường, mà nói cho phải ra, cũng thực mình làm mình chịu; có phải là cái tình-cảnh chung của trong xã-hội như thế đâu? Cái tình-cảnh chung của xã-hội, của phần nhiều người xưa kia là hạng người phong-lưu, mà đến nay cũng phải chịu cực-khổ, lại không vì tù-tội công nợ gì, như thế nghĩ cũng đáng đem câu truyện đăng lên mục Thiền-đàm, để người ở nơi xa biết qua cái phong-vị Hanoi.

Tôi thường nghe truyện các anh em, có nhiều người làm việc phân-minh lương mỗi tháng trăm hạc, trong nhà vợ chồng con cái chỉ độ bốn năm người, mà tự than-thân là bị « phát-vãng ở Hanoi! » Mới nghe thực là tức cười, mà xét ra thời câu truyện đó cũng không lấy gì làm thái quá. Nguyên vì vật-giá mỗi ngày cao quí, thứ nhất là phí khoản về sự thuê nhà, đã chiếm mất đi một số tiền khá to. Vài ba chục đồng bạc bỏ đi mỗi tháng, chỉ là tạm được chỗ ở đủ dung chứa một cái gia-đình nhỏ con; thức ăn vật dùng lại nhất thiết đắt hơn xưa. Vậy thành ra cứ bần thực tiện, ngày hai buổi đi làm việc, đêm về thời muỗi đốt mùi cống rãnh xông lên, nhất lại mùa hè nóng nực như hiện độ này đó, những nhà chật hẹp, thuê chúng ở trọ, hơi người đã lắm, khói bếp cũng nhiều, thật là cái cảnh khốn nạn vậy. Lại có người nói rằng: cứ như giá nhà ở Hanoi mỗi ngày còn cao mãi lên, thức ăn đồ dùng cũng theo đó mà lên mãi, thời rồi những người làm việc lương trăm bạc giở xuống, thế có lẽ phải ra ở nết ngoài cửa ô. Lời nói ấy tuy chưa biết sau này có đúng thế hay không, nhưng cứ tình trạng ở Hanoi hiện nay, thời những nhà nghèo mà phải còn theo tính-cách phong-lưu, thực cũng khó mà ở được trong thành phố. Lại như ở nhà quê, mỗi ngày làm ăn càng khó, thời số người kéo ra thành-thị để tìm cách sinh-nhai cũng mỗi ngày một thêm; số người càng thêm thời thức ăn chỗ ở lại càng khó. Cái tình-cảnh của những ai là hạng người sẽ bị phát-vãng đó, chưa biết còn ra sao.

* * *

Đương nói truyện Hanoi, nhân tôi nhớ lại trong khi ở Saigon. Ở Saigon vui nhất là cái quang-cảnh lúc chập tối. Đèn điện đã bật sáng, người đi chơi đông vui, xe hơi, xe kiếng không nói chi, hãy nói như những người đi chân rong chơi, người sang có, người hèn có, người nhớn trẻ con, con trai con gái, chỗ này kẻ đứng uống nước đá, chỗ kia người ngồi ăn nem, rất là tỏ ra cái vẻ yên vui, không lo nghĩ chi hết. Ngoài đường phố đã rộn rịp, mà trong chợ lại càng đông vui hơn. Những hàng tạp-hóa và những hàng bán nem rượu, về phần đêm lại bán nhiều hơn là phần ngày. Ba bốn giờ sáng, ở trong chợ còn có người ngồi ăn, thật là cái cảnh ăn thịnh vậy.

Tôi đi chơi trong chợ Saigon, có một sự riêng nghĩ thấy buồn cười, là qua thăm chỗ hàng sách. Các sách truyện quốc-văn ở trong chợ có nhiều hàng bán riêng, cũng như một hiệu sách nhỏ ở phố vậy. Cửa hàng bán sách ấy hình thức làm như kiểu cái bục, trong thời là cái giương, trường khoát có lẽ hơn một bộ ghế ngựa khổ rộng. Khi bán hàng thời đem hàng hóa bầy lên trên mặt bục, có từng, có lớp, thành ra một cửa hàng; đêm khuya không bán nữa thời thu thập hang hóa bỏ cả vào trong giương, người bán hàng dải chiếu ngủ ở trên mặt bục. Các hàng khác đại-khái như thế cả, nghĩ cũng rất tiện; duy riêng nghĩ về hàng bán sách truyện không khỏi lấy làm buồn cười, mà mỗi đêm ở chợ Saigon, người mua đã vắn, người bán cũng thôi, ngủ ở trên mặt bục đó hẳn là người bán sách những như ai, mà dưới bục trong giương thời biết bao văn-sĩ trứ-danh vậy! Trong khi tôi ở Nam, thành-thị, thôn-quê, đều có thiệp-liệp biết đôi chút; tiếp tục xin thuật ra Thiền-đàm để cầu vui với các bạn độc-giả, những ai người Bắc chỉ ở Bắc.

Nguyễn-khắc-Hiếu

. . .

« Con cháu đi ăn cưới ông bà »! Mới thoạt nghe câu đó, chắc ai cũng ngạc nhiên mà cho là một sự kỳ. Mà kể cũng kỳ thực.

Nguyên về miền Chiêm-Hóa (Tuyên-Quang), người Thổ ở đó có một tục rất hay tạm nói là hay vì chưa dám chắc. Xin thuật như sau: Một đôi trai gái nào đã cùng nhau kết chặt mối đồng-tâm, nhưng vì nhà nghèo, thời khi đã được lòng cha mẹ, hai người ăn ở với nhau, đôi lúc làm ăn khá giả sẽ làm lễ cưới. Nhưng rủi mà lúc đã có con rồi, tháng lại năm qua, gia-đình còn quẫn-bách, việc cưới đó cũng đành phải gác. Rồi đến tuổi già, may mà con cháu đề-huề, cửa nhà thịnh vượng, việc cưới xin của đôi trai gái đã có cháu rồi đó mới bàn đến, vì theo tục-lệ người Thổ, nếu lấy nhau mà không có cưới xin, thời cái « ma » của nhà trai nó không nhận..... Vì thế ký-giả được nghe câu nói rất kỳ-khôi:

« Con cháu ăn cưới ông bà. »

CẨM-GIANG

Nguyễn-văn-Huyên

CÔNG BÁO

Một tờ báo ra hàng ngày.
Giá mỗi số một xu.
Cả năm ba đồng rưỡi.
Báo-quán số 15 Hàng Bè Hanoi.
Chủ-nhiệm kiêm quản-lý: **Mr. Tiết-Lương Khiêm**

. . .

Annam-Tap-Chí vừa mới lại ra đời, lại được thêm một bạn đồng nghiệp, vậy Bản-chí xin vui lòng giới-thiệu bạn đồng-nghiệp là **Công-Báo** với các bạn độc-giả của báo-giới cùng hay: Lại mong rằng **Công-Báo** giữ theo được cái tôn-chỉ **« Thờ Một Ông Thần Công-Lý »**, thời trong trường ngôn-luận của xã-hội, chẳng là thêm có ích lắm ru?

ANNAM TẠP CHÍ

KÍNH-ĐÀI VĂN-THƯ-SỞ

Số 28 phố hàng Cá (Poissonnerie) Hanoi

Bản-sở có thể nhờ nhiều nhà Văn-sĩ có tiếng trong nước soạn các thể văn quốc-văn về mọi việc: *tặng, đáp, hiếu, hỷ, bài đăng báo, diễn-thuyết, và các thứ văn cần dùng trong mọi việc công, tư*; như là *biểu, bi, ký, gia-phả, đối, chướng, thơ, từ luận-thuyết vân vân*... Ngài nào muốn xin văn của nhà văn-sĩ nào, xin mời đến bản-sở, hoặc viết thư về; Bản-sở sẽ thương lượng.

Chủ-Nhân Nguyễn-Thống cẩn-cáo

VIỆT NAM NHỊ THẬP THẾ-KỶ

XÃ HỘI BA ĐẢO KÝ

Hai thằng khốn nạn (*thể tiểu-thuyết*). — Bác Khóa Lan quê ở.....

Năm 1926, nước to, đê vỡ tứ tung, nhân dân bêu-rếch khổ sở. Nhất là khi nước đã ra rồi, trông cảnh tượng mới lại càng đáng ngậm-ngùi nữa:

« *Cỏ tàn khắp cánh đồng xa,*
« *Bên làng hoang-hủy mấy nhà lơ-thơ.*
« *Đầu đường mẹ bế con thơ,*
« *Người tìm sang bắc, kẻ đưa về đoài.* »

Bởi thế, bác Khóa Lan luôn mấy tháng, nào nhà đổ, nào trâu chết, nào đất bán, nào ruộng cầm. Gia tài tuy chẳng được là bao, nhưng đến cái cảnh tái bay vạ gió *mà sạch sành-sanh, thời đâu ông* vua đời xưa mất nước, thằng bé bây giờ mất tiền, cái tâm-lý cũng đau đớn ngang nhau vậy.

Không những thế, vợ bác lại mới chết về bệnh dịch, để cho bác một đứa con giai mới biết ngồi. Cái cảnh gà sống không còn mồi mà nuôi con mới đáng đau lòng. Bác Khóa Lan thực là một thằng khốn nạn vậy.

Đêm hôm trước, bác ngồi nghĩ mà rớt nước mắt, của chìm của nổi đã không còn gì, nhịn cơm từ sáng nhường con đã lả cả giạ giầy. Nếu mai cũng thế này nữa, thời bố chết đói, con chết đói, âu là trong nhà còn một thứ của nổi nữa, đem bán nốt đi chăng?

Bác Lan nghĩ thế thời làm thế. Bác xin được cái thúng sứt cạp, bện đôi quang và trẻ cái đòn gánh. Sáng sớm gánh thằng bé con đi. Một bên quang là một tảng gạch để thăng bằng gánh hàng bên kia. Một bên quang là một cái thúng đựng hàng. Trên cái thúng tùm-hum manh chiếu rách che hàng cho đỡ nắng.

Bác đi lang thang làng này làng khác, qua chợ nọ chợ kia, nhưng chỉ thấy có người xem mà không thấy có người mua. Nào hỏi các ông các bà hằng tâm hằng sản. Miếng khi đói bằng gói khi no!

Bác Khóa Lan đói quá, mắt đã mờ... thằng bé con trần chuồng ngồi trong thúng, nằm ngả ra, mồm miệng bè-bẹt những dãi, mũi và vỏ khoai lang. Đi đường bác gặp toàn bọn khóc giở, mếu giở như bác cả. An-ủi nhau cũng chỉ có một câu rằng:

— Này bác đến nhà ông Nghị... may ông ấy hiếm-hoi thời ông ấy mua cho.

Đi lần mãi mấy làng mới đến nhà ông Nghị, mà giời đã sẩm tối. Đứng cổng trông vào trong nhà, thấy gạch tây đánh bóng lộn, sập gụ, tủ trè, gương đứng, giường tây, một ngọn đèn măng-sông ung-dung tỏa ánh sáng xanh êm vào bốn mặt tường trông thật có vẻ đỉnh chung sung-sướng.

Bác Khóa đánh liều gọi cổng. Anh bếp ở trong chạy ra.

— Nhờ cậu vào bẩm với ông bà rằng có người bán con đứng ở cổng.

Cậu bếp hỏi han một vài điều ra dáng tử tế, săn-sóc nhanh nhẹn lắm, rồi mới đi vào.

Bác Khóa vì cái đói khát nó cấp bách quá, nên tưởng tượng ngay độ năm phút nữa thời bụng sẽ được no đầy, nhưng tưởng tượng thế là lầm. Độ một giờ sau bác thấy một người mặt mũi phương-phi, cổ rụt, bụng phệ, môi trễ mà không râu, mặc quần áo lụa, phe phẩy cái quạt ra vườn chơi.

Bác đoán là ông Nghị, bèn đánh tiếng thời quả là ông Nghị thực, vì nghe dọng nói hách dịch lắm:

—Sao anh không rật chuông gọi người nhà nó vào bẩm?

Bác Khóa kể nỗi cực cơ, và ngỏ ý dạm bán đứa con. Ông Nghị nhìn qua bác Khóa, nhìn qua đứa bé rồi nói :

– Ừ để tôi nói truyện với bà sẽ hay, chờ đây tôi ra ngay.

Nghe câu ấy, trong bụng bác Khóa, tuy lép kẹp, nhưng thực như no được một nửa vậy.

Chờ đó hơn nửa giờ nữa, mới thấy ông bà Nghị ra.

Bác Khóa Lan chào rồi,cùng những câu khi nẫy rở ra với bà Nghị. Bà Nghị ra ý cảm-động, bế đứa bé con vào lòng, ngắm nghía mãi.

Ông Nghị thấy bà ra giáng vừa ý, liền hỏi giá :

— Anh định bán bao nhiêu, nói cho thực.

– Bẩm, tùy ông bà cho.

Người bán không biết nói giá, người mua không biết giá, thời làm thế nào ? Độc-giả các Ngài đánh giá hộ đi. Một người như chúng ta đây, khéo nuôi, khéo giậy, thời chưa biết chừng vĩ-nhân cũng nên đấy ! Một trăm nhé ! Hai trăm nhé ! Năm trăm nhé !

Ông Nghị thấy bác Khóa lưỡng-lự không muốn nói giá, đương ngồi sổm ở trước cái thúng, bỗng đứng phắt dậy mà rằng:

— Đáng lẽ anh cho không tôi, tôi cũng không lấy, vì tôi phải nuôi nó cho anh. Nhưng thôi việc phúc-đức, tôi cho anh ba hào, cầm lấy !

Nói song móc túi lấy tiền đưa. Bác Khóa-Lan gãi tai thở giài, có lẽ không ngờ đâu cái giá-trị một thằng bé con có thế mà thôi!

-- Thưa ông.....

— Tôi không nói lôi-thôi. Ông với ênh gì. Tôi không quen mà cả. Ba hào không bán thời thôi !.....

Nói song, ông quay lưng vào, gọi bà đi và đóng cổng lại.

Bác Khóa vơ-vẩn nghĩ ngợi mãi. Chờ mãi cũng không thấy có người ra giả thêm xu nào !

Nửa giờ sau, bác không thể nào nhịn nổi được cái dạ giầy rỗng tuếch từ hôm trước. Thôi thời ba hào thời ba. Con mình được chỗ ấm no nương tựa còn hơn là bố con bêu rếch só chợ đầu đường. Nghĩ vậy bác bèn rật chuông thời ông Nghị ra.

-- Thế nào, anh có định bán như thế hay không mà gọi ?

-- Thôi lậy ông, ông thương phận nào, con nhờ phận ấy.

-- Thương là thế nào ? Anh nói cho rứt khoát. Bằng lòng bán ba hào không ?

-- Bác Khóa mỉm miệng gượng cười một cách rất chua chát mà rằng : « Vâng. »

Ông Nghị đưa bác Khóa vào trong nhà, làm giấy má song, ông còn xem xét đứa bé rất kỹ-càng. Khi thấy sau lưng nó nhiều nốt ruồi quá, thời ông có ý không bằng lòng, chê bai mãi rằng xấu. Xấu thời phải bớt tiền, cho nên khi trả, ông không ban cho cả ba hào, mà bớt mất hai xu nốt ruồi !

Bác Khóa lậy van mãi. Bác nghĩ nếu có nằn-nì hai xu thời chưa chắc đã được mà không khéo thời bị giả tiền ngay. Nghĩ nực cười, mình đã khốn-nạn mà lại gặp phải một thằng khốn-nạn hơn nữa, thời thôi chịu cầm hai hào tám vậy. Bác bèn bế đứa bé con lần sau cùng, hôn hít rặn rò mãi mới rứt. Khi bác ra ngoài cổng, đi không nỡ, tình cha con vướng vít, nghĩ lại muốn trả hai hào tám mà lấy con về. Bác đứng lại quay nhìn trong nhà ông Nghị, thời thấy kẻ bưng chậu nước, người lấy sà-phòng, người tìm khăn mặt. Bà Nghị thời tự tay tắm cho đứa bé, ra dáng âu-yếm nâng niu Bác nhìn mà cũng hả tấm lòng, nỗi đau đớn cũng như tiêu tan vậy.

Còn ông Nghị, hai mắt như vẫn nhìn cái lưng nốt ruồi, mà nét mặt còn như tiếc món tiền tiêu vô ích khi nãy. Một chốc, ông ra ý hối-hận, nói với vợ rằng :

— Bà ạ, hoài của, giá bớt hẳn năm xu nó cũng phải chịu.

— Sao ông nghiệt thế? Tiền hàng vạn lo Nghị-viên không tiếc, mà mấy xu này lại tiếc hay sao ?

Ông Nghị đang tức hơi, phát gắt mà rằng :

—Tiêu những món đáng tiêu thời còn tiếc cái gì ! Thằng bếp đâu ! Mày chạy đi tìm thằng bán con ban nãy đâu, bảo nó giả tiền tao mà lấy lại con ngay lập tức !

Bác Khóa Lan nghe tiếng rật mình, ù té chạy bán sống bán chết, vừa chạy vừa đếm : một hai ; một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bẩy, tám.....

Juin 1930

Nguyễn-Công-Hoan

Y-kiến và tiểu-tức trong báo-giới

VIỆC ÁM-SÁT PHỐ AMIRAL COURBET

M. Nguyễn Bình bị 5 phát đạn súng lục

Hồi 11 giờ rưỡi sáng hôm nay, M. Nguyễn-Bình, có dàn Tây, tòng-sự tại sở Công-chính, vừa ở sở đi xe về đến cửa nhà ông, nhà số 18 phố Amiral Courbet, chợt phía dưới có hai người đi xe đạp vụt lên, chĩa súng lục bắn luôn 5 phát. M. Bình bị đạn ngã gục xuống đất thì 2 người kia đạp xe đạp chạy mất.

Được tin này sở Cẩm, sở mật-thám vội đến ngay nơi xảy ra việc ám-sát. M. Bình bệnh tình xem ra rất nguy. Hiện có tìm thấy ở chỗ M. Bình ngã 5 viên đạn súng lục.

Một người thợ mộc làm bên cạnh nhà M. Bình, tên là Nguyễn-xuân Kim mắt được thấy việc xảy ra, nên sở cảnh-sát đã đòi về bóp hỏi.

Bản-báo còn xét việc này, được tin gì xin đăng thêm.

Trung-Bắc

31 Mai N· 3959

CÁI ÁN-MẠNG PHỐ AMIRAL COURBET

Thêm 4 người phải bắt phố Goussard

Đem về sở mật thám một người nhảy từ trên gác xuống chực tự-tử

Hồi 5 giờ sáng hôm nay, ông Cẩm mật thám Pujol được tin rằng mấy người có dính đến cái án mạng phố Amiral Courbet hiện ở nhà số 108 phố Goussard, mà có lẽ chính hung-thủ bắn M. Bình có trong bọn này.

Lập tức M. Pujol cùng mật-thám Tây, Nam tới vây nhà này.

Trong nhà thấy động, 3, 4 người hoảng-hốt, nghe nói có bắn súng lục chống cự lại lính mật-thám. Sống thế yếu phải để lính mật thám bắt. Ba người đàn ông tên là Lê-hữu-Cảnh, Nguyễn-Huân, Nguyễn-Quất và một người đàn bà là Thị-Thành phải bắt dẫn về. Lại bắt được cả khẩu súng lục mà bọn này dùng để chống cự với lính mật-thám.

Về tới sở mật-thám, M. Pujol bắt đầu tra hỏi ngay. Buồng giấy ông này ở trên gác, hỏi xong người này lại cho ra ngoài hiên, gọi người khác vào. Hồi quá 8 giờ, đang tra

hỏi, Lê hữu-Cảnh lúc ấy ngồi ngoài hiên, nhân mấy người mật thám canh gác không để ý tới lắm, liền vùng chạy ra cửa sổ liều mình nhảy xuống sân.

Các viên chức Tây, Nam trong sở tưởng Cảnh đã trốn mất, liền đổ cả ra, khí giới súng lục lăm lăm trong tay, tìm khắp mọi nơi ngoài cửa sổ nhưng không thấy dấu vết Cảnh. Lúc quay trở vào sân thì ra Cảnh vẫn nằm ở trước cửa sổ Căn-cước, bị thương ở đầu và ở ngực không thể dậy được.

Hồi quá 9 giờ, sở mật thám đã cho đưa Cảnh vào nhà thương Bảo-hộ để buộc thuốc.

Cứ như tin tức lấy được thì có lẽ chính Lê hữu Cảnh là người bắn chết M. Nguyễn-Bình.

Ba người cùng bị bắt với Cảnh hiện bị giam tại sở mật-thám.

TRUNG-BẮC
11 Juillet

TIN THÊM VỀ BỐN NGƯỜI PHẢI BẮT PHỐ GOUSSARD

Có lẽ Ng. Huân can vào việc bom nổ ở Việt-yên (Bắc-giang)

Còn nhớ khi xảy ra việc bom nổ ở làng Việt-yên, (Bắc giang) việc mà tòa Thượng-thẩm đã xử rồi sở mật-thám bắt Khóa-Yền khám trong mình thấy một cái thẻ thuê thân để tên Nguyễn-Huân tức Giang. Hỏi Khóa Yền nhất định không khai, ai cũng đoán tất cái thẻ ấy là thẻ giả để Khóa-Yền dùng để thay hình đổi dạng. Nay có việc bắt được Huân ở 108 phố Goussard, mới rõ chính Huân có can dự vào việc làm bom ở Việt-yên. Huân cũng nhận như vậy.

Theo báo *Volonté Indochinoise* thì Huân quán làng Xinh-quang, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông, vốn là con một người bồi tên Ng-xuân-Bân, hiện theo chủ về nghỉ bên Pháp. Huân làm thư-ký ở một hiệu bán đồ sắt lớn. Mẹ Huân cũng làm cu-ly ở đấy, nhưng không ở cùng con nhà 108 phố Goussard mà ở nhà riêng làng Đồng-nhân.

Cả ba người đều đảng-viên V. N. Q. D. Đ.

Ng. Quất, thư ký đánh máy cho sở văn khê Ackein là chủ nhà số 108 phố Gou-sard. Quất khai chỉ biết cho Huân và Cảnh thuê nhà, tiền nong tử-tế, sòng-phẳng, còn việc tư của 2 người, mình không dự đến. Tuy vậy mà sở mật-thám xét ra thì cả ba đều có chân trong V. N. Q. D. Đ.

Cảnh đã ra khỏi nhà thương

Ngay từ hôm đầu cũng biết bệnh tình Cảnh không lấy gì làm quan trọng cho lắm. Thầy thuốc khám nghiệm chỉ thấy Cảnh bị thương xoàng ở đầu và ở ngực thôi. Nằm điều trị mấy hôm trong nhà thương Bảo-hộ. Cảnh đã lành mạnh, hôm qua sở mật-thám đã dẫn về giam để tiện việc tra xét.

Khám nhà phố Chợ Đuổi

Hồi 4 giờ chiều hôm qua, sở mật-thám phái hơn 10 người mật-thám Tây, Nam đến khám một nhà phố Chợ Đuổi, nhưng không bắt được gì khả nghi. Không người nào phải bắt.

TRUNG-BẮC
17 Juillt

Tin thêm về 4 người bị bắt ở phố Goussard

Bắt được Cảnh và Huân, 2 cái án rất bí-mật xảy ra ở Hà-thành -- việc mưu sát thầy Đội Dương, và việc ám-sát M. Nguyễn-Bình để cướp tiền ở phố Amiral Courbet -- liệu đã vỡ ra được chưa? Trong một kỳ báo trước đã đăng các lời khai của Cảnh và Huân. Chiều hôm thứ bảy, 12 juillet, sở mật-thám lại đòi người kéo xe nhà M. Nguyễn-Bình tên là Nguyễn đăng-Xuân và tài-xế là Vương-văn-Đang ra hỏi.

Việc cướp tiền ở Phố Amiral Courbet

Sở mật-thám hỏi Nguyễn-đăng-Xuân thì Xuân khai rằng hôm 30 mai vào lúc gần 11 giờ, kéo M. Nguyễn-Bình ở sở Lục-lộ về. Hai càng xe vừa đỗ phịch lên cửa, bỗng Xuân nghe tiếng lét đét nổ trên đầu. Chưa kịp xem là việc gì thì một người ở đâu sau lưng giơ tay nắm vai mình. Hoảng hốt Xuân giằng ra chạy. Trong lúc ấy chủ kêu.

Gọi sốp-phơ ra đây mau!

Rứt lời M. Nguyễn-Bình thì cả bà chủ, cả tài-xế trong nhà chạy ra. Mme Bình cũng kêu. Lúc ấy Xuân ngoảnh lại, nhưng trong óc còn ù ù, nom không rõ vật gì, chỉ nhớ thấy hai người đàn-ông đi xe đạp, một người mặc quần áo trắng, mũ trắng, một người mặc áo the thâm. Nhưng vì cả hai đều quay mặt về đằng trước nên không nom rõ mặt. Vả lại Xuân đội cái nón to quá, ngẩng lên bị che lấp cả mắt, không nom thấy rõ được. Có lẽ cũng vì câu khai này mà sở mật-thám bắt Xuân lúc đầu, vì cho rằng Xuân đứng ngay chỗ xảy ra cái bi-kịch này, có lẽ nào lại không thấy rõ mặt hung-thủ! Lúc Xuân giằng ra khỏi tay người chực nắm lấy vai mình thì người ấy còn bắn thêm luôn ba phát súng lục nữa.

Còn người tài-xế Vương-văn-Đang thì khai rằng không biết gì hết. Chỉ biết chạy theo bà chủ ra, nghe thấy bà chủ kêu:

-- Nó bắn chết chồng tôi rồi.

Mà đằng xa thì thấy 2 người mặc ta đang cắm đầu đạp xe chạy.

* * *

Cảnh và Huân đã khai nhận chính mình là người gây nên việc cướp tiền phố Amiral Courbet, vậy ai là người bắn chết M. Nguyễn-Bình?

Cảnh khai mình bắn trước. Lúc nghe M. Bình kêu, Huân mới bắn sau.

Việc bắn thầy đội Dương

Việc này vẫn như lời khai trước, Huân vẫn nhận mình cầm súng bắn thầy Dương. Còn Cảnh thì chỉ nhà và bảo rõ hình dạng thầy Dương cho Huân biết.

Vân-Du là ai?

Ta còn nhớ lúc bắt được Ký-Con, hỏi về việc bắn thầy đội Dương thì Ký-Con khai rằng: người cầm súng bắn là một người trong đảng, tên gọi Vân-Du. Vân-Du là ai? Sở mật-thám tra hỏi, Ký-Con vẫn không khai rõ. Cứ lời khai ấy, chính Ký-Con cũng không biết Vân-Du là ai, ở đâu.

Sau khi đã bắt Cảnh và Huân ở phố Goussard thì sở mật-thám có đem ảnh hai người vào ngục, đưa cho Ký-Con nhận xem có phải Vân Du không. Tới đây thì xảy ra một việc không ai ngờ.

Ký-Con nhận chính Vân-Du là mình, chính mình bắn thầy đội Dương chứ Huân và Cảnh không dự vào việc ấy.

Sao lại có việc bắt ở nhà 108 phố Goussard

Vì sao sở mật-thám lại biết nhà 108 phố Goussard có mấy người cách-mệnh ở nhà đến bắt? Cái đó là nhờ về việc bắt được Đỗ-đức-Kính ở ga Haidương mà báo Trung-Bắc đã đăng qua rồi. Bị bắt đem về Hai-dương tra hỏi thì Kính khai định đi Hanoi vào nhà 108 phố Goussard, ở cùng mấy người đồng chí. Điện lên báo cho sở mật-thám Hanoi biết, hồi 5 giờ sáng hôm sau, sở mật thám vây bắt nhà ấy ngay. Lúc phái-viên sở mật-thám tới gõ cửa một lượt, trong nhà thị Thành chạy ra mở ngay. Theo lời thị Thành khai thì Huân và Cảnh đã dặn trước sắp có người ở xa lại (người ấy là Kính), nên sáng sớm hôm ấy nghe tiếng gõ cửa thì yên trí là Kính, có ngờ đâu cửa mới hé, nom ra chỉ thấy những mật-thám Tây, Nam.

Trong kỳ báo trước nói rằng thị Thành mới 16 tuổi, là sai vì bỏ mất một câu. Thực ra định nói thị Thành mồ côi cha mẹ, đi lưu lạc từ năm mười 15, 16 tuổi đến giờ. Vậy xin đính chính lại.

Thêm một người bị bắt

Từ hôm bắt bốn người ở nhà 108 phố Goussard thì nhà ấy vẫn niêm-phong cẩn thận, lính mật-thám tuy không ra mặt, nhưng phải luôn trông coi. Hôm thứ sáu trước, một người trẻ tuổi đi lượn qua lượn lại chỗ ấy, mắt nhìn trước, liếc sau, thái-độ rất khả-nghi, làm cho lính mật-thám phải để ý tới mà bắt điệu về bóp. Người bị bắt tên là Trần-ngọc-Thụ, hiện vẫn còn bị giam tại sở mật-thám. Từ hôm ấy, nhà này giao cho trưởng-phố canh giữ.

TRUNG-BẮC

Về cái án mạng phố Amiral Courbet

Từ ngày bắt được Cảnh và Huân, thời hình như đã có một cái tia sáng trong hai cái án rất bí-mật: Cái án mạng phố Armiral Courbet và cái án bắn thầy Đội Dương. Về việc M. Bình bị giết thời Cảnh khai rằng có mệnh lệnh của Nguyễn thế Nghiệp ở Vân-Nam gửi về, nói rằng rất cần đến tiền, thời vội bàn với Huân, Lan và một người nữa. Người này chưa bắt được nên bẫy tạm dấu tên.

Còn Lê-Tiến-Sử thời bảo cho biết tin-tức ngày giờ của M. Bình ra Kho-bạc. Nếu M. Bình được tiền sớm thời đem về sở phát ngay, lĩnh chưa thời đem về nhà.

Sau khi đã bắn chết M. Bình, cướp được số tiền hơn vạn bạc, Cảnh đem đến một nhà ở phố hàng Bạc, giao cho cô Giang.

Khẩu súng lục của cô Giang dùng tự-tử

Nay xét ra khẩu súng lục của cô Giang dùng tự tử ở Đồng-Vệ, chính là khẩu súng đã dùng bắn chết M. Bình. Mấy hôm sau, khi đã làm xong việc cướp tiền ở phố Amiral Courbet, một bữa cô Giang xuống nhà 108 phố Goussard, bảo Cảnh và Huân đưa cho mượn khẩu súng đem đi. Mấy bữa sau thời cô tự sát ở Đồng-Vệ.

Việc bắn thầy Đội Dương

Cảnh hiện còn yếu lắm. Hỏi về việc này, Cảnh chối. Huân thời khai nếu Cảnh không can-đảm nhận thời mình xin nhận các tội. Việc bắn thầy Đội Dương này có Ký-Con và cô Giang ra lệnh. Chính cô Giang đưa súng cho Huân.

Trước khi Lê-hữu Cảnh bị bắt

Lê-hữu-Cảnh tên là Tủy. Từ khi Cảnh dây vào mọi việc Quốc-sự-phạm, thời gia-quyến đã từ, không nhận nữa.

Trước khi Lê-hữu-Cảnh bị bắt ở phố Goussard hôm vừa rồi, Cảnh có đến nhà chú, tên Huệ, ở phố hàng Mắm, bảo chú phải giúp V. N. Q. D. Đ. một số tiền là 5000 p.00, nếu không thời sẽ bị trả thù một cách ghê gớm. Người chú Cảnh đương lấy việc ấy làm lo, thời sực Cảnh bị bắt cùng với Huân ở phố Goussard.

Nguyễn-ngọc-Thụ đã được tha

M. Thụ là người bị sở mật-thám thấy lảng-vảng quanh nhà số 108 phố Goussard, nên tình nghi bắt về. Nhưng xét ra M. Thụ tìm nhà người quen nên hôm sau sở mật-thám đã tha ông ra ngay.

Chú vợ Lê-tiến-Sử phải bắt

Ngày hôm kia sở mật-thám vào Hà-đông bắt một người thơ-ký sở Bưu-điện, tên là Tụ-văn-Đoàn. Người này là chú vợ Lê-tiến-Sử, bị sở mật-thám tình nghi cũng có dự vào việc ám-sát M Nguyễn-Bình. Hiện Tụ-văn-Đoàn còn phải giam ở sở mật-thám để xét hỏi.

TRUNG-BẮC

19 Juillet 1930

Một người đàn bà góa đẻ ra rắn

Việc này đăng trong báo Tầu, thực là một việc rất lạ, xưa nay chưa từng có, xin thuật ra sau đây.

Về huyện Trấn-Giang, tỉnh Giang-Tô, có một mụ đàn bà góa, năm nay đã ngoài 50 tuổi, người chồng đã chết từ mấy năm trước, con giai mụ thời theo người chú về Trấn-Tây buôn bán, còn mụ và người con dâu thời ở lại Trấn-Đông, làm nghề may vá, cũng đủ ấm no. Chiều ngày 12 Juin vừa rồi, mụ bỗng đau như xé ruột ra, đương như muốn đi ngoài, liền đi ra chuồng tiêu, vừa ngồi xuống; bỗng thấy có một vật bò ra, bấy giờ lại càng đau quá, không khác gì người đau đẻ, mụ sợ hãi hết hồn, kêu lên một tiếng, rồi ngã ngất đi, bất-tỉnh nhân-sự, thời ra cái vật thò ra ấy là con rắn, hai mắt đen nhanh nhánh, cái đầu ngoe nguẩy mà chỉ có nửa mình.

Người con dâu nghe tiếng chạy ra thấy vậy cũng kêu lên, một lát tin đồn đi khắp nơi, người kéo nhau đến xem đông như chợ, người thì bảo nên đi mời bà đỡ, người thời bảo nên đi mời thầy thuốc, nhưng đến khi bà đỡ và thầy thuốc đến xem, cũng đều chịu bó tay, muốn lấy hẳn con rắn ấy ra mà không lấy ra được, nếu chặt đứt nửa ngoài thời nửa trong tất thối nát ra, loanh-quanh mãi không ai biết làm ra thế nào.

Cứ như thầy thuốc nói thời đó là cái mình người đầu rắn, cho nên không lấy ra được; nhưng tuổi mụ đã già và lại ở hóa thời còn chửa làm sao được; vả chăng trước khi đó mụ cũng như người thường, bụng không to và không đau đớn gì cả. Vậy thân mụ sau này, một là không có tiền, hai là không ai có cách nào lấy ra được, thời đành chịu chết. Trên thế-giới này thiếu chi những nhà Bác-bọc, chẳng hay có ai biết rõ được ra làm sao không.

TRUNG-BẮC

20 Jnillet 1930

BẮC SỬ DIỄN NGHĨA

(LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT)

(Tiếp theo số 11)

Kể từ vua Võ nhà Hạ mới lên ngôi cho đến năm vua Kiệt thua mất, cộng được bốn trăm ba mươi chín năm, mà rồi cái ngôi vua ở Trung-Quốc lại bắt đầu đổi sang nhà Thương, tức *vua Thang* là ông vua thứ nhất.

Vua Thang nguyên là một vị chư-hầu có nhân đức, lại nhờ có Tướng là ông Y-Doãn giúp sức, cho nên đánh được nhà Hạ mà lên thay làm Thiên tử, đặt quốc-hiệu là Thương. Nhà Thương lúc ban đầu, các vua tướng cũng hiền minh, cho nên thiên-hạ bấy giờ, lại có cái quang-cảnh thái-bình thịnh-trị. Mười sáu đời truyền đến *vua Trụ*, mà cái cảnh sắc của nhà Thương lúc ấy lại cũng như đời vua Kiệt ở nhà Hạ khi xưa.

Vua Trụ tên là Tân, vừa thông-minh, vừa có sức mạnh, thích rượu, thích gái, làm ra những đũa ngà, chén ngọc, xa mỹ hơn xưa; đánh họ Hữu-Tô, bắt được con gái là Đát-Kỷ, cũng yêu mến lạ thường, nói gì nghe ấy. Rượu làm ao, thịt làm rừng, cho những con giai con gái chần chuồng mà đùa nhau để làm trò vui-thú. Chư-hầu có ai phản thời Đát-Kỷ xin Trụ đặt ra những hình-pháp nghiêm ác để trừng-trị. Làm một cái cột, lấy mỡ bôi chung quanh, rồi chất than lửa đốt ở dưới; bắt kẻ có tội leo lên cái cột ấy, ngã rơi xuống đống lửa, thì Trụ với Đát-Kỷ cùng cười với nhau lấy làm vui. Các quan triều có ai can ngăn, Trụ cũng giết chết cả. Trụ làm vua được 30 năm,

thiên hạ sầu khổ, có một vì vua chư-hầu họ Cơ, tên là *Phát*, nổi quân lên đánh Trụ. Đánh nhau ở Mục-Dã. Quân vua Trụ có tới 70 vạn người, không một người nào có bụng đánh giặc, ông Phát cho quân xông vào trận, quân Trụ đều quay giáo giở lại, không đánh nhau. Trụ bèn thua chạy về cung, mặc những đồ châu báu vào mình, rồi tự đốt mình mà chết. Ông Phát sai chém đầu vua Trụ, treo ên cờ Thái-bạch, từ đấy ngôi nhà Thương lại đổi về nhà Chu.

. . .

Nhà Chu lúc mới nổi lên, cơ-đồ gây dựng cũng nhờ có những đời trước tổ-tiên hiền thánh, cho nên các nước chư-hầu sẵn lòng qui-phục. mà đến đời ông Phát lại gặp lúc vua Trụ tàn ác, cho nên ngôi nhà Thương lại về nhà Chu Ông Phát đã lên làm vua (Võ-Vương), chính-trị đổi mới, lại được một người em, tên là Đán (Chu-công) có tài chính-trị, xếp đặt qui-mô, các bề tôi hiền như ông Thái-công-Vọng, Thiệu-công-Thích, mọi người giúp mọi việc, cho nên nhà Chu lúc ban đầu, chính-trị đã hay mà lễ nhạc văn-chương cũng hơn cả các đời trước. Chia đặt phong-tước, tất cả 71 nước chư-hầu (1).

Nhà Chu đến lúc đã xuy, cũng lại sinh ra một ông vua hư, tên là *Cung-Niết* (U-Vương). Vua Cung-Niết có nàng Bao-Tự, cũng như vua Kiệt có Muội-Hỷ, vua Trụ có Đát-Kỷ khi xưa. Nguyên xưa tự đời nhà Hạ đã xuy, có sinh ra một cái quái, là cái hồn ma người nước Bao hóa làm hai con rồng, ròm vào trong cung vua mà nói rằng: « Ta đây là hai vị vua ở nước Bao ». Vua nhà Hạ bói xem nên giết, hay nên để, hai đằng cùng không tốt. Bói xem xin lấy cái nước rãi để cất đi, như thế thời tốt. Vua bèn sai người đem đồ lễ tế để khấn, quả-nhiên những con rồng biến đi mất mà nước rãi hãi còn, cho vào hòm để cất đi. Cái hòm nước rãi ấy, cứ để mãi trong cung, qua đời nhà Thương, sang đời nhà Chu, không ai dám mở, cũng không ai mở ra làm gì Đến cuối đời vua Lệ-Vương (Hai đời) thử mở coi xem sao, thời những cái rãi trong hòm ấy chôi lênh đênh ở sân, không thể nào trừ bỏ đi được. Rãi ấy hóa ra một cái quái, có đứa con gái trong cung-phủ gặp phải, chưa có chồng mà đẻ con, sợ mà đem vứt đi. Khi ấy những trẻ con có câu hát rằng: « Cái cung bằng dâu, cái túi bằng cỏ, nhà Chu mất nước, chẳng đó mà đâu». Có kẻ bán những đồ cung dâu túi cỏ ấy, vua sai bắt để làm tội. Kẻ ấy sợ mà trốn lánh, gặp thấy đứa con gái bé bỏ ở đường (tức là con đứa chửa hoang thai), nhặt lấy để nuôi, rồi trốn sang ở nước Bao. Sau đứa con gái ấy lớn lên, người nước Bao nhân có sự tội-vạ, đem dâng lên vua U-vương, tức là nàng Bao-Tự.

Vua U-vương rất yêu nàng Bao-Tự. Bao-Tự đẻ được một đứa con giai là Bá-Phục. Vua bỏ bà Vương-hậu là con gái nước Thân và Thái-tử là Nghi-Cữu, lấy Bao-tự làm bà hậu, và cho Bá-Phục làm Thái-tử. Nghi-Cữu chạy về quê mẹ, Thân.

Vua U-vương đã lập Bao-tự lên làm hậu, càng mê dại vì nàng. Bao-tự tính không hay cười, vua bầy ra trăm trò, định làm trò cười, mà Nàng cố ý không chịu cười. Nguyên vua có hẹn cùng các chư-hầu, hễ có giặc thì đốt lửa cháy to, lấy khói lửa làm hiệu, thời chư-hầu đâu đấy đem quân đến cứu-viện. Vua muốn cho Bao-Tự cười, bèn tự-nhiên vô-cớ đốt khói lửa đùng đùng, chư-hầu đâu đấy đến hết, đến mà tế ra không có giặc. Bao-Tự quả-nhiên cười khằng-khặc, rất lấy làm vui. Bao-Tự cũng thích nghe tiếng xé lụa, vua đem lụa trong kho ra xé chơi, cho được chiều ý của mỹ-nhân yêu quí.

U-vương làm vua đến năm thứ 11, muốn giết Thái-tử cũ là Nghi-Cữu, cho người sang tìm kiếm ở nước Thân. Thân-hầu (Vua nước Thân) không cho. Vua đem quân đánh Thân. Thân-hầu chiêu quân rợ Khuyển-Nhung về cùng nhau đánh U-vương. U-vương nổi hiệu khói lửa để vời quân chư-hầu ở các nơi, không có một ai đến. Giặc Khuyển-Nhung giết chết vua U-vương ở dưới chân núi Ly-Sơn, bắt sống nàng Bao-Tự. lấy hết các đồ châu-báu của trong cung nhà Chu mà đi. Các

Oản-tà-RRoản

— Thế anh định bỏ chết tôi à ? Không trách người ta báo đàn ông bạc tình, có oan tí nào đâu : Tôi vì nghe anh dỗ ngon dỗ ngọt, nào những là lấy nhau, nào những là ăn đời ở kiếp cùng nhau..... Từ đó đến nay, tôi dốc một lòng chờ đợi anh, tường đông ong bướm, tôi kiếm cớ thoái thác. Vì tôi đã chót hứa cùng anh. Ấy thế mà anh quyết tình giở mặt. Hẳn anh cũng biết tôi chỉ là quá dại-dột mà nghe anh, nên mới mang vạ vào mình. Anh nghĩ sao cho vuông tròn thời nghĩ . . . . . .

— Cái bụng chị vài tháng nữa thời tròn bằng cái thúng : chị còn phải cần gì đến tôi nghĩ nữa !

— Tôi không nói đùa ! Nếu anh không làm hại tôi , thời làm gì tôi không lấy được người chồng tử-tế.

Lúc bấy giờ ở bờ hồ Hoàn-kiếm, mảnh giang ngọn gió như khơi động tâm tình gió giăng, Ả Nguyệt với cậu Ph... lững-thững bước vào cầu Thê-Húc.

Hai vẻ mặt cùng lo, nhưng hai cái lo khác nhau. Ả lo vì quá nhẹ dạ, nên phải nặng lòng, cái khối lo nó đương nằm co ở trong bụng · Cậu Ph lo vì vô-tình định thỏa bụng muốn, bấy giờ phải cố tình đẩy cái không muốn ra.

— Thế có chắc chị chửa với tôi không ?

— Này năm nay tôi mới có mười tám tuổi đầu, sao anh đã đổ bậy, đổ bạ cho tôi cái tiếng khí-giớ ấy ! Anh hỏi tôi chửa với ai à ? Rồi nó giống ai, nó máu mủ ai, thời anh biết. Tôi con nhà trâm-anh, anh cũng con nhà thế-phiệt, vì một lời giao-ước, nên tôi mới quá chiều anh. Tuy tôi chưa là vợ anh, nhưng cũng như là vợ, nên tôi dốc một lòng chung thủy, thời chữ trinh tôi chỉ giữ nguyên cho anh. Nếu anh ngờ tôi loan chung phượng trạ, thời đây này, tôi sẽ chết như thế này này !

— Đừng thề độc, nhỡ chết thật thời oan !

— À anh giếc tôi mãi. Thôi đồ bạc tình ! Anh buông tôi ra !....

— Này, cầm lấy cái này.

— Cái lọ gì đây ?

— Lọ thuốc thôi thai, chị uống nó vào thời cái thai nó ra, thế là mất tích.

— Eo ơi ! Anh nói mà tôi ghê cả mình ! Nếu anh cố tình mà giết cả hai mẹ con tôi thời đây này, tôi liều chết ngay trước mặt anh, cho anh trông thấy. Anh buông tôi ra. Giời ơi ! Ngờ đâu cái hồ Hoàn-kiếm này chỉ là cái mồ hồng-nhan !.

Ả rật tay ra, chạy lại mé đầu cầu. Cậu Ph vội chạy theo, níu vạt áo lại :

— Ấy chết ! chớ chớ ! tôi thử chị đấy mà !

— . . . . . .

— Này chị ơi !

Ả gục đầu, ôm mặt khóc hu hu.....

— Chị Nguyệt ơi ! Chị chớ lo, tôi vẫn biết chị là người chung-tình với tôi, chị không phải phiền lòng. Cái thai trong bụng chị là con tôi, là con chị, chị cứ yên tâm. Tôi thề rằng sẽ chu-toàn danh tiết cho chị. Đến ngày khai hoa, tôi sẽ đưa chị sang nhà hộ-

---

vua chư-hầu bèn cùng nhau đến nước Thân đón ông Thái tử cũ là Nghi-Cữu, dựng lên làm vua, để giữ việc tế-tự tôn-miếu của nhà Chu. Ông vua ấy tức gọi là *(Bình-vương)*. Bắt đầu từ ông vua Bình-vương lên ngôi (Trước Kỷ-nguyên lịch tây 772 năm) mà thế-lực của nhà Chu kém xưa, mà tình thế của nước Tầu từ đấy về sau khác từ đấy về trước.

sẽ tiếp theo

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Trong đời ấy, nước ta có sai sứ sang Tầu dâng một con chim trĩ, sắc trắng.

sinh tỉnh Bắc-Ninh, sau khi mẹ tròn con vuông, tôi sẽ tính cuộc trăm năm với chị.

-- Anh đừng nỏ mồm !

-- Chị đừng mắng tôi mà oan ! Thôi chị cứ đi về.....

-- Tôi không về đâu cả. Sống gửi thác về, mả tôi đây rồi !

— Tôi van chị, nếu tôi không giữ được lời hứa, xin nguyện giời tru đất riệt ! Chị cứ về, cứ yên lòng.....

Cô ả lau mặt, sẽ guợng đứng giậy, gọi xe về nhà.

Cậu Ph vừa đi vừa nghĩ :

Ừ, suýt nữa thời mình deo cái vạ tầy đình cho mình ! Suýt nữa thời mình giết cả hai nhân mạng. Giá một mình con Nguyệt nó tự-tử, thời mặc quách nó, nhưng lại đèo cả đứa con ta ở trong bụng nó !..... Ừ, tính tháng tính ngày, quả nó có mang với ta... Vậy đợi lúc nó đẻ ra lấy con về nuôi, còn việc trăm năm với nó thế nào, ta không nên nghĩ trước.

* * *

-- Chết chưa ! Thế mợ định uống thuốc thôi-thai thật đấy à ?

-- Cậu tính tôi mới có 18 tuổi đầu, chồng con chưa có. mà chửa hoang, thời còn xấu gì bằng !

- Chà, việc gì mà xấu ; sự xấu tốt đối phong-trào dư-luận xã-hội như làn khói trước ngọn gió to, chỉ đánh loáng là không ai trông thấy nữa, thế thời dư-luận có gì là đáng sợ ? Vả lại tôi hiếm hoi, lấy nhà tôi ngót hai mươi năm trời, mà con cái chưa có, thời mợ cứ yên lòng, sau khi ở nhà hộ-sinh ra, tôi sẽ thu xếp để mợ với tôi ăn đời ở kiếp.

— Tôi cám ơn cậu ! Cậu ngót bốn chục tuổi đầu rồi, tôi mà lấy cậu thời người ta cho là bố lấy con. Và vợ cả cậu như còn sư-tử cái, có lẽ nào lại để yên cho cậu yêu thương tôi. Cậu cứ mặc tôi, để tôi tự-xử lấy tôi, cậu không cần nghĩ đến. Bao nhiêu việc tôi đã định sẵn, tôi đành uống thuốc để giữ cho vuông tròn tiếng-tăm. Vả tôi là con nhà thi lễ, mơn-mởn đào-tơ, làm gì không lấy được chồng ông họ ông kia, can chi vội-vàng mà vo quàng vơ xiên vội.

-- Mợ nói thế, tôi đau lòng quá. Mợ phải hiểu cho rằng, cái thai trong bụng mợ là đứa con sau này của đôi ta.

-- Nếu cậu có thương con cậu, thời mai tôi xin gửi lại trao giả cậu.

-- Chết nỗi ! tôi xin mợ.

Luồng nước cuồn cuộn dưới sông, hàng cột ù ù trước gió, giây sắt cầu như đang-mắc mối tơ-tình. Trên cầu Đu-me, Ả Nguyệt đứng thừ ra, tựa tay vào lan-can, mặt nhìn làn sóng lênh-bênh. Trước mặt, ông Tham B vênh bộ râu « Ghi-Đông », nét mặt ra giáng lo-lắng mà van xin.

-- Nào tôi có phải ăn ở bạc tình với mợ đâu, mà mợ nỡ rứt lìa thế ?

Tôi cũng biết vì tôi đối với cậu chung-tình nên cậu đối với tôi trung-hậu, nhưng tôi không thế nào đèo mo mà sống ở đời được.

Sao mợ lại bảo là đeo mo ? Vẫn biết rằng đàn bà quí giá ở chữ trinh, nhưng mợ có phải là gái thất trinh đâu ? Vì mợ quá yêu tôi, quá chiều tôi, nên đến nay đeo đẳng khố-tình cùng tôi. Vậy rồi sau tôi nuôi đứa con, lại cưới mợ về làm vợ. Làm người vợ thời cần giữ chữ trinh với chồng, mợ chung-tình với tôi từ trước đến nay, thời đối với riêng tôi, mợ vẫn chu-toàn được chữ trinh, vậy cớ làm sao mà phải nghĩ ? Nếu tôi bạc tình cùng mợ, toan bỏ lửng mợ, thời mợ mới đáng hờn duyên tủi phận chứ !

— Thôi tôi xin cậu, tôi nào dám tin cái mồm mép đàn ông !

— Nếu tôi ăn ở như kẻ khác, thời xin thề rằng ngọn đèn điện này tắt, tôi cũng chết.

— Thề, thề cá chê chui ống ! Cậu buông tôi ra, tôi xin gửi thân tôi cho ông Hà-bá dưới sông này !

Mợ định tự-tử? Mợ chết thời tôi xin chết theo ngay.

— Khổ lắm, cậu kệ sác tôi! Tôi không tin ai ở đời này nữa! những cái mặt nhẵn-nhụi chơn-chu, nhưng toàn là bụng ba-que, sỏ-lá cả. Tôi vì dại-dột mới nên nông-nỗi này.

Một cái ô tô sình-sịch đến trên cầu, chiếu hắn ánh sáng vào mặt ông Tham trông rõ cái mặt nhăn-nhó, cái mắt gấp gay.

— Mợ ơi, mợ yên lòng; mợ nên biết cho lòng tôi, đừng phụ bụng tôi, bởi tôi biết bụng mợ lắm. Vả dĩ bấy lâu tôi khao-khát chút con để sau này nó chống gậy cho tôi, nối dõi tông đường cho nhà tôi, nếu nay mợ quyết tình giết cả mợ lẫn con, thời tôi phải âu-sầu ân hận xuốt cả đời.

Ả Nguyệt bưng mặt khóc, ông Tham lấy vặt áo chùi nước mắt hộ mà nói.

— Mợ ơi! Tôi đã định rằng đến ngày mợ đẻ, thời sang nhà hộ-sinh tỉnh Bắc-Ninh mà nằm cho êm tiếng, nhất là mợ giữ cái bụng cho kín đáo. Mợ đẻ song, tôi nuôi lấy con...

— Thế rồi cậu bỏ tôi bơ-vơ?

— Khốn nạn, cho tôi nói hết câu đã, tôi lấy mợ! thế rồi tôi tính việc xin cưới mợ sau.

Ả Nguyệt thở giài...

— Mợ đã bằng lòng như thế chưa?

Ả đưa tay lên miệng, cắn móng tay út, không trả lời, ra giáng nghĩ ngợi.

— Mợ ừ đi, mợ đừng uống thuốc thôi-thai nữa, phải tội đấy!

— Mợ cứ yên bụng cho tôi được yên lòng. Mợ ừ đi!

— Ừ!...

Hai người lững-thững đi, gặp hai cái xe, liền thuê về nhà. Lúc sắp li biệt, ông tham B. còn dặn với một câu:

— Mợ yên dạ, cho tôi yên lòng nhé!

— Ừ!...

* * *

— Bà đẻ con so hay con dạ?

— Thưa bà, con so.

— Bà nên nói cho thực, thời tôi mới liệu được; tôi xem bụng bà thời hình như đẻ con dạ thời phải hơn.

— Thưa bà, thực tôi đẻ con so.

Đó là lời bà đỡ nhà Hộ sinh cùng nói truyện với ả Nguyệt. Bà đỡ ngờ quá, hỏi vặn rằng:

— Mỗi khi những người đẻ con so thời da bụng cứng mà có ngấn ở bụng vẫn đỏ; người đẻ con dạ thời da bụng mềm, mà có ngấn ở bụng vẫn trắng. Nay tôi xem bụng bà thời quả là bà đẻ con dạ. Phép nhà thương không nên nói dối, nhỡ ra nguy đến tính-mệnh, chứ chả chơi đâu.

— Thưa bà, xin bà cứu cho, tôi đẻ con dạ!

— Vâng, bà nên nói thực thế là phải. À, ông nhà ta tên là gì? ở đâu?

— Thưa, cậu cháu tên là Nguyễn-văn-Tình, đã mất năm ngoái rồi, sau khi tôi có mang được vài tháng.

— Tội nghiệp! Thế ông mất thời bà có mang được mấy tháng?

— Ả Nguyệt luống-cuống nói:

À, thưa bà, cậu cháu mất năm nay ạ. Mới mất tháng tư, mà tôi đã có mang từ tháng giêng.

— Bà cũng chỉ độ tối hôm nay thời ở cữ thôi. Bà cứ nằm nghỉ yên. Lần trước bà ở cữ, giai hay gái?

— Thưa bà, cháu gái.

— Nay cháu biết làm gì rồi?

— Thưa bà, tôi sinh cháu được vài hôm thời bỏ cháu.

— Thế bà đẻ dễ hay khó?

— Thưa bà dễ ạ.

— Được, vậy bà cứ nghỉ yên để lấy sức.

* * *

..... Ngày chủ nhật, sau khi ả Nguyệt đẻ, có mấy bọn người ở Hanoi sang, vào nhà thương thăm.

Bọn trước, hai công-tử ăn mặc tây, đúng mốt quần thụng đỏ, áo cộc xanh ở trong gian ả Nguyệt nằm bước ra, bưng miệng rúc-rích nhìn nhau cười, nói thầm với

nhau rằng:

-- Hú vía! Tao tưởng con Nguyệt nó chửa với tao, tao sợ quá!

-- Tao chả ngờ nó chửa với mày, nhưng tao thấy cái mồm thằng bé giống mồn tao, tao đã rật mình. Nó ăn-vạ tao, thời tao bỏ mẹ! May được cái nước da thằng bé con nó minh oan cho tao.

Hai người vừa đi khỏi thời cậu Ph.... đến. Cậu Ph. ẫy cửa, đến gần ả Nguyệt, hỏi:

-- Giai hay gái?

-- Nguyệt trả lời khẽ:

— Giai.

-- Thế à! Mợ có mạnh không? Có ăn được không?

Ả Nguyệt thứ mặt ra, không trả lời.

-- Mợ làm sao thế?

-.....

-- Cho tôi bế con một tý.

-- Không bế!

Ái chà! mẹ-cu làm bộ.

-.....

-- Con ngủ à? Mặt giống cậu hay giống mợ?

-.....

-- Công-tử rúc mãi vào nách mợ! Ra đây cậu yêu tý.

-- Yên!

Ph. mở cái lót chùm đầu thằng bé ra. Nguyệt nhắm nghiền mắt lại.

Khi mở mắt đã thấy Ph. len lén cút từ bao giờ rồi.

Lúc bấy giờ ông tham B. ôm một bọc to tướng đến nhà thương, như khi ở ngoài cửa kính, ông thấy có người đến thăm Nguyệt, ngờ là họ hàng, nên không dám vào vội. Ông vừa đi bách-bộ, vừa liếc mắt vào trong, hút điếu thuốc lá rồi, nhìn hết các nhà cửa, cây cối rồi, mà người họ vẫn chưa ra. Một lúc ông thấy kẹt cửa, bụng mừng lắm. Ông nhìn theo hút người ấy đến khi rẽ hết phố, mới dám vào...

-- Chào mợ! giai hay gái?

— Giai.

Ông tham lộ ra nết vui-vẻ, đắc chí.

— À, ai vừa vào đó?

—.....

-- Mợ mệt à?

-- Không!

-- Mợ có ăn được cơm không? Có mạnh khỏe không?

Nguyệt thở giải, ông tham mở bọc lấy ra, nào rượu bổ, nào sữa bò, nào vú cao-su, vân vân....

-- Con có cứng-cát không? Mợ có nhiều sữa không?

-- Yên cho tôi nằm nghỉ.

-- Cho tôi bế con một tý, nó giống tôi hay giống mợ?

-- Im cho nó nằm.

-- Ô hay! Mợ giận tôi đấy à?

-- Không!

-- Bao giờ mợ định về?

-- Không biết!

Nguyệt thở giải mãi, thằng bé con ở trong bọc, cựa cậy khóc nhoe.

-- Giầy với cậu, con!

-- Yên cho nó ngủ!

Thằng bé vẫn khóc nhoe, cái lót chùm đầu nó sê ra ngoài. Ông tham lật ra xem mặt con.

-- Cậu đây, nín đi!

Nguyệt nhắm nghiến đôi mắt lại, vắt tay lên trán để che mặt. Ông Tham nhìn kỹ cái tóc, cái mặt, cái mũi con.... Ông giở bọc ra ngắm cả người thằng bé..... Ngắm xong, bọc cẩn-thận lại giả, rồi từ từ lui ra thở giải một cái rõ giài, nét mặt thất vọng. Té ra ông thấy thằng bé con ông, mà nước da lại đen như cái cột nhà cháy! Vậy nó không phải con rồng cháu tiên, nó là giống « oắn-tà-rroàn » không biết chống gậy.

27 Février 1930

Nguyễn-công-Hoan

AN-NAM ẤN THƯ-CỤC

Một cơ-quan về sự in có quan hệ mật-thiết với An-nam tạp-chí. sẽ tiếp tục tường cáo.

An-nam tạp-chí Chủ-sự

Nguyễn khắc Hiếu

Kính cáo

Quảng cáo

Các Ngài có thư muốn nhận đại-lý bán giúp Tạp-Chí ở các tỉnh

Nay tạp-chí lại bắt đầu ra từ số 11, Bản-quán xin tuỳ tiện-nghi gửi lời các Ngài có thư về nhận bán giúp ở các tỉnh; số tạp-chí gửi đi nơi nào bao nhiêu. Bản-quán đã có sổ biên lại minh bạch. Tiền hoa-hồng xin tính nhất định là 10 %, tem cước các khoản, về Bản-quán chịu-phí.

Cứ mỗi tháng bán hết bao nhiêu, dù nhiều dù ít, xin các Ngài tính tiền gửi cho và báo cáo cho biết, những số tạp-chí còn lại, xin cứ lưu ở quý-hiệu bán dần; khi nào Bản quán có cần đến, xin sẽ có thư để các Ngài giao giả.

Ngài nào vui lòng nhận bán giúp thời từ kỳ sau Bản-quán cứ gửi tạp-chí tiếp theo. Ngài nào không sẵn lòng bán giúp chỗ thời xin gửi hồi tạp-chí cho, Bản-quán không giám lấy làm sự ân-hận.

Vậy mong: nhận được kỳ tạp-chí này, các Ngài cho được biết hậu-ý, để tiện kỳ sau xin liệt đăng các quý-hiệu trong tạp-chí, để các bạn Độc-giả ở các nơi tiện coi.

Nay kính

AN-NAM TẠP-CHÍ

Directeur Gérant

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU